

Số: /QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-ĐHBK ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo xét tốt nghiệp năm 2026 đợt 2 (bổ sung 3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho **1.379** sinh viên đại học (gồm 1.303 sinh viên chính quy và 76 sinh viên vừa làm vừa học) đính kèm danh sách tốt nghiệp.

Điều 2. Các Ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo, các Khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thiên Phúc

Thống kê tốt nghiệp khóa 2022 và các khóa khác (tính đến ngày 03/08/2026)

TT	Khoa/Trung tâm	Khóa 2014	Khóa 2015		Khóa 2016		Khóa 2017		2018		Khóa 2019		Khóa 2020			Khóa 2021				Khóa 2022					Khóa 2023	Khóa 2024			Tổng
		TB Khá	Khá	TB Khá	Khá	TB Khá	Khá	TB Khá	Khá	TB Khá	Khá	TB Khá	Giỏi	Khá	TB Khá	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất Sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Giỏi	Xuất Sắc	Khá			
1	Cơ khí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	7	-	6	9	2	7	9	15	-	-	-	-	61		
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-	6		
	Liên thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	2	-	1	4	1	6	12	8	-	-	-	-	36		
	Bảng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	3	-	3	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	9		
2	KT Địa chất - Dầu khí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	-	3	-	-	3	5	-	-	-	-	14		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	1	-	-	-	-	5		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3		
3	Điện - Điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	10	-	1	16	1	13	41	37	2	-	-	-	125		
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	1	-	-	-	-	-	7		
	CT Tiên tiến	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2	5	11	11	2	-	-	-	32		
	Bảng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1		
	Vừa làm vừa học	-	2	1	-	-	1	1	-	-	-	8	-	6	1	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	22		
4	KT Giao thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	2	7	1	5	17	13	-	-	-	-	47		
	Bảng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	1	3	13	12	2	-	-	-	35		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	5		
5	KT Hóa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	-	1	1	18	45	31	-	-	-	-	99		
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23	1	-	-	-	-	-	24		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	22	33	38	1	-	-	-	96		
	Bảng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	1	-	-	-	-	6		
6	Môi trường & TN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	1	3	3	-	-	-	-	9		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	3	5	-	-	-	-	10		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1		
7	Khoa học & KTMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	8	1	57	97	54	-	-	-	-	222		
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	-	-	-	-	-	18		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	4	-	-	5	1	41	51	41	-	-	-	-	144		
	Bảng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	4	1	1	2	1	-	2	1	-	-	-	-	-	-	-	13		
8	Quản lý Công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	30	75	28	1	-	-	-	138		
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	1	1	-	8	15	20	1	-	-	-	48		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1		
9	Khoa học ứng dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	3	-	-	3	3	-	-	-	-	10		
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	3	6	4	-	-	-	-	16		
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3		

10	Công nghệ vật liệu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	1	3	-	-	-	-	7
	Vừa làm vừa học	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
11	KT Xây dựng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	5	-	1	12	6	2	8	12	1	-	-	-	-	53
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2	3	1	6	2	-	-	-	-	-	15
	Bảng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Vừa làm vừa học	1	-	-	-	1	-	-	-	-	3	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11
	KSCLC Việt Pháp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	4	-	2	9	4	-	1	-	-	-	-	-	-	21
	Cộng	1	2	1	1	1	1	2	2	1	8	26	2	41	43	7	21	93	27	274	463	348	10	2	1	1	1,379

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP và CẤP BẰNG NĂM 2026 - ĐỢT 2 (Bổ sung 3)

(Đính kèm QĐ số /QĐ-ĐHBK- ngày / / 2026)

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Chương trình Đào tạo Chất lượng cao												
1	2252001	Bùi Thái An	21/08/2004	CC22KTM1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,80	Xuất Sắc	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
2	2252005	Hoàng Thu An	10/04/2004	CC22HTP1	Hưng Yên	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
3	2252006	Lê Hoài Thiên An	25/08/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
4	2252007	Lê Ngọc An	13/01/2004	CC22KTM1	Thanh Hóa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
5	2153146	Lê Thành Khương An	11/03/2003	CC21KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
6	2252009	Nguyễn Hồ Đức An	11/10/2004	CC22KHM4	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
7	2252011	Phạm Thái An	20/03/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
8	2152378	Tân Thu An	31/08/2003	CC22HHC	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,90	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
9	2153181	Đinh Cao Thiên Ân	07/02/2003	CC21KTX2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,00	Khá	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
10	2153186	Phạm Lê Hồng Ân	10/10/2003	CC21CK12	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,20	Trung bình	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
11	2153188	Võ Thiên Ân	15/10/2003	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
12	2210043	Bùi Duy Anh	05/05/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
13	2252019	Đoàn Thế Anh	08/08/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
14	2252015	Dư Đặng Mỹ Anh	12/12/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
15	2210062	Lâm Kim Anh	09/02/2004	CC22HTP2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
16	2252023	Lê Đỗ Minh Anh	22/08/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
17	2052839	Lê Mai Anh	11/04/2002	CC22HKG1	Thành phố Hà Nội	Thành Phố Hà Nội	2,30	Trung bình	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
18	2252027	Lê Văn Đức Anh	09/11/2004	CC22KHM4	Thanh Hóa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
19	2252029	Ngô Quang Anh	22/11/2004	CN22KHM1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
20	2252030	Nguyễn Đồng Anh	14/09/2004	CC22QKD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
21	2252032	Nguyễn Hoàng Anh	07/03/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
22	2210084	Nguyễn Hoàng Minh Anh	02/03/2004	CC22QCV1	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,80	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
23	2052843	Nguyễn Minh Anh	09/01/2002	CC20CK12	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,58	TB Khá	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
24	2154012	Nguyễn Ngọc Vân Anh	12/01/2003	CC21KMT2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
25	2252034	Nguyễn Như Tinh Anh	23/06/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
26	2210099	Nguyễn Quốc Tuấn Anh	24/10/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
27	2210107	Nguyễn Trương Bảo Anh	02/03/2004	CC22KTX2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
28	2252038	Nguyễn Tuấn Anh	09/08/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
29	2152392	Nguyễn Võ Minh Anh	04/03/2002	CN21KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
30	2252041	Phạm Xuân Đức Anh	05/09/2004	CC22HTP1	Ninh Bình	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
31	2252042	Trần Bá Anh	12/12/2004	CC22HKG1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
32	2210141	Trần Phạm Phương Anh	12/05/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
33	2252044	Trịnh Ngọc Từ Anh	10/08/2004	CC22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
34	2153179	Vũ Tuấn Anh	23/03/2003	CC22KTO1	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
35	2252054	Nguyễn Hoàng Bách	27/09/2004	CC22CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
36	2153192	Nguyễn Nhật Bách	01/08/2003	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
37	2252058	Trần Xuân Bách	27/10/2004	CC22KHM4	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
38	2252078	Nguyễn Đoàn Hải Bằng	08/02/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
39	2153197	Cao Thiên Bảo	04/12/2003	CC22QCV1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,10	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
40	2252061	Dương Gia Bảo	29/09/2004	CC22KTM1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,90	Xuất Sắc	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
41	2252063	Huỳnh Dương Gia Bảo	19/02/2004	CC22KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Thuận	3,60	Xuất Sắc	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
42	2153203	Lê Phương Quốc Bảo	28/09/2003	CC21ROB2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
43	2252065	Lê Quốc Bảo	23/06/2004	CC22KHM4	Bến Tre	Tỉnh Bình Thuận	3,50	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
44	2252066	Lô Hoàng Bảo	03/05/2004	CN22KHM1	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
45	2252069	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	04/02/2004	CC22KHM4	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,60	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
46	2252067	Nguyễn Duy Bảo	20/12/2004	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
47	2252075	Phạm Gia Bảo	05/06/2004	CC22HTP1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
48	2252941	Nercua Carmella Beatriz	08/07/2003	CC22QKD1	Phi-li-pin	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
49	2252085	Vũ Trịnh Thanh Bình	07/10/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
50	2153226	Hồ Hữu Chánh	18/03/2003	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
51	2252088	Lê Thụy Ngọc Châu	05/08/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
52	2252089	Nguyễn ái Minh Châu	29/04/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
53	2252090	Nguyễn Minh Châu	03/08/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
54	2252091	Nguyễn Trịnh Châu	01/12/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
55	2252095	Trần Nguyễn Minh Cơ	15/09/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
56	2252096	Bùi Đức Mạnh Cường	13/10/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
57	2252097	Lưu Chí Cường	18/09/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
58	2252100	Trương Phú Cường	17/11/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
59	2252139	Phạm Huỳnh Bảo Đại	19/01/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
60	2152499	Phan Bình Minh Đại	20/11/2003	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
61	2252140	Vũ Vĩnh Đại	13/06/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
62	2052432	Đào Linh Đan	30/10/2002	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
63	2252138	Liêu Lin Đan	15/01/2004	CC22KYS1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
64	2252152	Lê Quang Đăng	02/12/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
65	2252154	Nguyễn Minh Đăng	31/07/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
66	2252155	Nguyễn Ngọc Hồng Đăng	17/02/2004	CC22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
67	2252156	Phạm Hữu Nhật Đăng	04/08/2004	CC22KTO1	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,80	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
68	2052901	Bùi Hồng Danh	13/08/2002	CC21KTX1	Long An	Tỉnh Long An	2,30	Trung bình	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
69	2252101	Nguyễn Hoàng Danh	14/09/2004	CC22ROB1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
70	2252102	Nguyễn Phúc Thanh Danh	02/11/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
71	2052417	Nguyễn Thành Danh	15/07/2002	CN20KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,27	TB Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
72	2252143	Lê Cao Đạt	05/04/2004	CC22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
73	2252144	Lương Triển Đạt	18/08/2004	CC22COD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
74	2252145	Nguyễn Thành Đạt	24/11/2004	CC22KHM4	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
75	2252148	Phan Hoàng Tất Đạt	11/09/2004	CC22QCV1	An Giang	Tỉnh An Giang	3,20	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
76	2252149	Trần Lê Tiến Đạt	09/12/2004	CC22KHM4	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
77	2252104	Ngô Thiên Di	25/04/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
78	2252159	Nguyễn Kha Điền	19/06/2004	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
79	2252106	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	06/05/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
80	2152526	Nguyễn Hoàng Đức	06/09/2003	CC21LQC1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
81	2252168	Phạm Thế Đức	26/01/2004	CC22KHM4	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
82	2252112	Đoàn Minh Duy	01/03/2004	CC22HHC	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
83	2153249	Lê Bảo Duy	31/01/2003	CC22HHC	Cà Mau	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
84	2252116	Nguyễn Đăng Duy	17/05/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
85	2252117	Nguyễn Khánh Duy	25/01/2004	CC22KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
86	2252118	Nguyễn Ngọc Duy	18/06/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
87	2153253	Nguyễn Phạm Quốc Duy	26/01/2002	CC22HDK	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
88	2252120	Nguyễn Quang Duy	24/10/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
89	2152051	Lưu Thị Mỹ Duyên	12/02/2003	CC22DK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520604	CC	Kỹ thuật Dầu khí	
90	2152479	Nguyễn Ngô Kỳ Duyên	08/12/2003	CC22HVC	Bến Tre	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
91	2252128	Phạm Thùy Duyên	19/08/2004	CC22KYS1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
92	2154013	Hoàng Nguyễn Hương Giang	30/12/2003	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
93	2252173	Trương Quỳnh Giang	22/03/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
94	2252175	Nguyễn Vũ Hà	31/10/2004	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
95	2252196	Chu Phúc Gia Hân	07/12/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
96	2210932	Đinh Hiền Đức Hân	23/02/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
97	2252198	Huỳnh Ngọc Hân	14/05/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
98	2252199	Lê Đặng Tịnh Hân	18/05/2004	CC22MTB	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
99	2252200	Lê Gia Hân	01/01/2004	CC22CSH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
100	2252207	Vũ Hoàng Gia Hân	07/12/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
101	2252194	Trần Ngọc Phương Hằng	09/02/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
102	2252192	Lê Phan Hiếu Hạnh	20/10/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
103	2252193	Trần Thị Hồng Hạnh	26/09/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
104	2252180	Đỗ Quang Hào	05/04/2004	CC22KHM4	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
105	2252182	Lê Phong Hào	11/10/2004	CC22KHM4	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
106	2210862	Lý Chí Hào	24/05/2004	CC22KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
107	2252185	Nguyễn Vương Anh Hào	05/02/2004	CC22HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,50	Khá	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
108	2152561	Lê Minh Hiền	12/09/2003	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
109	2211030	Trần Minh Hiền	04/11/2004	CC22CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
110	2152566	Đặng Quang Hiệp	20/11/2003	CC22KYS1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,50	Khá	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
111	2153343	Nguyễn Minh Hiếu	08/02/2003	CN21KHM1	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	3,30	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
112	2252215	Phạm Nguyễn Minh Hiếu	09/03/2004	CC22KTM1	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
113	2252216	Trần Minh Hiếu	07/04/2004	CC22KHM4	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
114	2252217	Trần Quốc Hiếu	12/11/2004	CC22KHM4	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,90	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
115	2152560	Võ Trần Minh Hiếu	21/08/2003	CC21KHM2	Bình Dương	Tỉnh Bình Phước	3,40	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
116	2252225	Hà Kiến Hoa	01/11/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
117	2252239	Nguyễn Đức Hòa	22/08/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
118	2153369	Trần Mạnh Hòa	23/10/2003	CC22DK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520604	CC	Kỹ thuật Dầu khí	
119	2211078	Lê Hồng Anh Hoàng	14/07/2004	CC22KHM4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
120	2053015	Nguyễn Huy Hoàng	03/04/2002	CC22KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
121	2252232	Nguyễn Minh Hoàng	21/08/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
122	2053060	Đoàn Thanh Hùng	25/09/2002	CC20KTX1	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,89	TB Khá	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
123	2153402	Hứa Đại Hùng	06/07/2003	CN21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520101	CC	Cơ Kỹ thuật	
124	2252272	Nguyễn Việt Hùng	10/09/2004	CC22KHM4	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
125	2252273	Nguyễn Việt Hùng	22/05/2004	CC22KHM4	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
126	2252280	Nguyễn Tiến Hưng	09/04/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
127	2252281	Phan Nguyễn Phú Hưng	07/05/2004	CC22MTB	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
128	2252285	Nguyễn Phước Ngọc Hương	09/10/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
129	2252244	Đoàn Minh Huy	25/07/2004	CC22COD1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,20	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
130	2252245	Đoàn Quốc Huy	17/10/2004	CC22CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
131	2252247	Hồ Đắc Huy	03/11/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
132	2252251	Lê Minh Huy	15/04/2004	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
133	2211210	Nguyễn Đình Minh Huy	06/11/2004	CC22CK12	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,10	Khá	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
134	2252255	Nguyễn Đức Huy	10/03/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
135	2052496	Nguyễn Khánh Huy	17/04/2002	CN20KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,56	TB Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
136	2211221	Nguyễn Minh Huy	02/06/2004	CC22KTM1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
137	2053042	Nguyễn Nhất Huy	11/10/2002	CC21KHM1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
138	2152596	Nguyễn Quang Huy	03/12/2003	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
139	2252258	Nguyễn Tấn Huy	17/04/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
140	1952725	Phạm Gia Huy	25/11/2001	CC20COD1	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7,36	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
141	2052498	Tôn Thất Huy	15/11/2002	CC21COD1	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
142	2252267	Trần Vũ Gia Huy	13/05/2004	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
143	2252269	Trương Minh Huy	04/01/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
144	2053057	Võ Minh Huy	15/06/2002	CC22KTO1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,80	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
145	2252337	Trịnh Diệp Khả	25/03/2004	CC22LQC2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,00	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
146	2052130	Nguyễn Ngọc Khải	31/05/2002	CC20COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,07	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
147	2252287	Đặng Minh Khang	02/06/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
148	2053091	Đoàn Duy Khang	14/12/2002	CC20QKD2	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	6,95	TB Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
149	2211434	Lê Vĩnh Khang	20/10/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
150	2252301	Nguyễn Duy Khang	18/04/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
151	2252303	Nguyễn Lê Duy Khang	27/01/2004	CC22KHM2	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
152	2052521	Nguyễn Thái Duy Khang	19/09/2002	CC20HKG1	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,73	TB Khá	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
153	2252309	Phạm Đình Khang	13/05/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
154	2152643	Triệu Nguyên Khang	13/06/2003	CC21CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
155	2252314	Trương Minh Khang	11/08/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
156	2252315	Từ Phan Tuấn Khang	09/12/2004	CC22ROB2	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
157	2252317	Vương Minh Khang	29/07/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
158	2053104	Biện Công Khanh	20/11/2002	CC20CK12	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,92	TB Khá	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
159	2252319	Nguyễn Phương Khanh	20/05/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
160	2252323	Đinh Bá Khánh	15/08/2004	CC22KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
161	2152123	Ngô Đình Bảo Khánh	01/01/2003	CC22HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
162	2252331	Nguyễn Nhật Khánh	11/08/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
163	2252333	Phạm Nguyễn Hải Khánh	05/11/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
164	2252336	Vương Nguyễn Cẩm Khánh	21/04/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
165	2211591	Huỳnh Ngọc Khoa	03/01/2004	CC22KHM2	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
166	2252356	Nguyễn Trần Đăng Khoa	05/01/2004	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
167	2252360	Phạm Trần Đăng Khoa	22/10/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
168	2252363	Trần Đăng Khoa	26/06/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
169	2152681	Trần Đăng Khoa	05/06/2003	CN21KHM1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,30	Trung bình	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
170	2211649	Trần Đình Đăng Khoa	13/09/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
171	2252365	Trần Tuấn Minh Khoa	09/12/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
172	2153474	Võ Quốc Đăng Khoa	14/02/2003	CC21HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
173	2252370	Lê Anh Khôi	18/12/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
174	2252371	Lê Minh Khôi	11/01/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
175	2252377	Nguyễn Minh Khôi	30/07/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
176	2252378	Nguyễn Ngọc Khôi	30/08/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
177	2252379	Nguyễn Nhật Khôi	21/12/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
178	2153481	Nguyễn Thắng Khôi	29/06/2003	CC22KYS1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
179	2252383	Trần Nguyễn Anh Khôi	03/02/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
180	2153486	Nguyễn Quốc Khởi	07/11/2003	CC22KTO1	Nam Định	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
181	2252385	Nông Thục Khuê	15/10/2004	CC22KHM1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,00	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
182	2252386	Phó Ngọc Song Khuê	04/06/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
183	2252391	Trần Đăng Khương	11/12/2004	CC22QCV2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
184	2153493	Lê Anh Kiên	22/02/2003	CC22CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
185	2252394	Lê Trung Kiên	04/09/2004	CC22KHM1	Tây Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
186	2252397	Trần Trung Kiên	18/09/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
187	2052559	Lý Hoa Kiện	22/01/2002	CC21KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,20	Trung bình	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
188	2252400	Lê Tuấn Kiệt	25/07/2004	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
189	2252402	Nguyễn Anh Kiệt	29/09/2004	CC22LQC1	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
190	2252404	Nguyễn Đại Gia Kiệt	03/11/2004	CC22HHC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,00	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
191	2252392	Trần Tuấn Kiệt	11/11/2004	CN22KHM1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
192	2252411	Trương Tuấn Kiệt	12/08/2004	CC22KHM1	Bạc Liêu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
193	2252398	Châu Huỳnh Phương Kiều	24/10/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
194	2252413	Đặng Lê Thiên Kim	02/12/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
195	2252414	Đỗ Hồng Thiên Kim	22/09/2004	CC22QKD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
196	2211785	Châu Vĩnh Kỳ	14/03/2004	CC22QKD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
197	2252416	Vũ Cao Kỳ	24/12/2004	CN22KHM1	Thành phố Hà Nội	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
198	2252419	Cao Ngọc Lâm	12/06/2004	CC22KHM1	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
199	2252428	Nguyễn Tấn Bảo Lễ	08/07/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
200	2252430	Đặng Khánh Linh	05/08/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
201	2252437	Võ Ngọc Phương Linh	06/07/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
202	2252455	Đinh Hữu Lộc	29/12/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
203	2252459	Nguyễn Thành Lộc	30/12/2004	CC22LQC2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
204	2252460	Nguyễn Thiên Lộc	16/06/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
205	2252462	Phạm Thành Lộc	30/08/2004	CC22HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
206	2252442	Lưu Bảo Long	16/12/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
207	2252444	Nguyễn Châu Hoàng Long	25/07/2004	CC22KHM1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
208	2252449	Trần Đặng Hiền Long	04/11/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
209	2252452	Trần Quang Long	17/11/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
210	2252454	Võ Hoàng Long	02/08/2004	CC22HKG2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
211	2153559	Phan Quỳnh Mai	23/11/2003	CC22HVC	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,80	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
212	2252469	Hoàng Gia Mẫn	07/01/2004	CC22HKG1	An Giang	Tỉnh An Giang	2,30	Trung bình	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
213	2252474	Hoàng Công Minh	27/04/2002	CC22KHM2	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
214	2252476	Huỳnh Bá Minh	14/01/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
215	2052821	Lê Tuấn Minh	03/01/2002	CC20KTM2	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,77	TB Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
216	2252480	Nguyễn Nhật Minh	10/02/2004	CC22CK11	Hậu Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
217	1952847	Nguyễn Quang Minh	16/10/2001	CC20KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,54	TB Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
218	2252481	Nguyễn Thành Minh	05/09/2004	CC22KHM1	Tiền Giang	Tỉnh Tây Ninh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
219	2212074	Phan Quang Minh	15/06/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
220	2252493	Trịnh Anh Minh	10/08/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
221	2252500	Hồ Khánh Nam	11/03/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
222	2252506	Trần Bá Trung Nam	10/03/2004	CC22CK11	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
223	2252508	Huỳnh Nga	09/12/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
224	2252515	Đinh Nguyễn Phương Nghi	25/10/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
225	2252531	Phạm Đức Nghi	12/04/2004	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
226	2252527	Lê Đức Nghĩa	24/02/2004	CC22KHM2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
227	2252532	Đoàn Vương Bảo Ngọc	07/06/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
228	2252536	Ngô Bảo Ngọc	22/11/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
229	2252537	Phan Bảo Ngọc	03/11/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
230	2252539	Dương Trung Nguyên	23/10/2004	CC22CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
231	2252548	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	29/03/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
232	2252549	Nguyễn Thị Quốc Nguyên	24/08/2004	CC22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
233	2252552	Phan Lương Khôi Nguyên	06/11/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
234	2252557	Bùi Hoàng Nhân	01/07/2004	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
235	2252560	Nguyễn Hoàng Nhân	04/12/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
236	2252562	Nguyễn Hữu Nhân	19/05/2004	CN22KHM1	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
237	2153649	Nguyễn Thành Nhân	05/11/2003	CC22QCV1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
238	2252564	Phan Khánh Nhân	23/02/2004	CC22KHM1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
239	2252568	Đặng Hoàng Minh Nhật	01/03/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
240	2152832	Nguyễn Tấn Nhật	31/08/2003	CC21KTM2	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,80	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
241	2252556	Trần Nguyễn Thế Nhật	01/01/2004	CC22KHM3	Thành phố Đà Nẵng	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
242	2153655	Đoàn Lê Tú Nhi	19/04/2003	CC21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
243	2152214	Dư Thục Nhi	24/09/2003	CC22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
244	2252576	Lê Nguyễn Vân Nhi	27/06/2004	CC22HTP1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,20	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
245	2153661	Trần Đan Nhi	28/12/2003	CC22KCCQ1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Lâm Đồng	2,80	Khá	7580101	CC	Kiến trúc	
246	2252588	Huỳnh Ngọc Nhon	13/06/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
247	2252594	Trần Khải Như	27/01/2004	CC22LQC2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
248	2252596	Huỳnh Lê Yên Ninh	07/12/2004	CC22CSH1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
249	2252598	Hồ Tấn Phát	04/12/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
250	2252599	Lê Hữu Phát	17/05/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
251	2252600	Lê Tiến Phát	27/07/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
252	2252602	Nguyễn Minh Phát	21/10/2004	CC22CK11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
253	2252605	Nguyễn Thành Phát	05/01/2004	CC22KHM3	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
254	2252606	Thái Quang Phát	18/03/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
255	2252608	Hoàng Văn Phi	05/04/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
256	2252609	Lê Hoàng Phi	26/02/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
257	2252610	Nguyễn Tấn Phong	01/09/2004	CC22KHM3	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
258	2252612	Nguyễn Tuấn Phong	13/10/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
259	2252611	Nguyễn Tuấn Phong	05/05/2004	CC22KYS1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,40	Giỏi	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
260	2153686	Nguyễn Văn Phông	29/12/2003	CC22KYS1	Thanh Hóa	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
261	2252617	Đặng Ngọc Phú	01/01/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
262	2252621	Nguyễn Quang Phú	18/04/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
263	2252622	Nguyễn Thiện Phú	09/08/2004	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
264	2152867	Nguyễn Trọng Phú	10/11/2003	CC22CK11	Bến Tre	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520103	CC	Kỹ thuật Cơ khí	
265	2252633	Lê Hoàng Phúc	16/08/2004	CC22HTP2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
266	2152240	Lê Hồng Phúc	11/06/2003	CC21KTX2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
267	2252636	Nguyễn Dương Minh Phúc	30/11/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
268	2252637	Nguyễn Gia Phúc	29/08/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
269	2252639	Nguyễn Hồng Phúc	13/10/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
270	2252641	Nguyễn Hữu Lê Phúc	14/05/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
271	2252640	Nguyễn Huỳnh Thiên Phúc	30/01/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
272	2252642	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	04/06/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
273	2252647	Trần Hoàng Phúc	29/01/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
274	2252648	Trần Phạm Gia Phúc	13/02/2004	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
275	2252650	Võ Hoàng Phúc	14/12/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
276	2252661	Nhan Tấn Phước	26/07/2004	CC22HLY	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
277	2252662	Phạm Duy Tường Phước	20/08/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
278	2252663	Trần Đình Phước	05/09/2004	CC22KTO1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,20	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
279	2252653	Hồ Đỗ Uyên Phương	01/11/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
280	2252655	Lê Nguyên Phương	23/12/2004	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
281	2053350	Nguyễn Hoàng Phương	25/10/2002	CC22COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
282	2152895	Nguyễn Lan Phương	25/11/2003	CC22KMT1	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
283	2252664	Liao Jui Pin	16/06/2004	CC22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,40	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
284	2252677	Lý Vĩnh Anh Quân	26/03/2004	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
285	2252678	Nguyễn Anh Quân	16/06/2004	CC22KHM3	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
286	2053374	Nguyễn Đỗ Minh Quân	27/07/2002	CC20QKD2	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,55	TB Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
287	2252681	Nguyễn Hoàng Quân	02/07/2004	CC22KHM3	Đồng Nai	Tỉnh Bình Thuận	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
288	2212800	Nguyễn Minh Quân	17/01/2004	CC22KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
289	2252684	Nguyễn Trung Quân	21/04/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
290	2252690	Trần Minh Quân	17/07/2004	CC22COD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
291	2252691	Trương Tổng Minh Quân	24/12/2004	CC22HTP1	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
292	2252667	Huỳnh Hồng Quang	05/11/2004	CC22QKD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
293	2252670	Nguyễn Minh Quang	18/11/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
294	2252673	Vũ Quang	06/08/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
295	2252693	Phạm Minh Nguyệt Quế	09/06/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
296	2152930	Lê Chấn Quốc	02/11/2003	CC22HLY	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,60	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
297	2153757	Đỗ Tấn Quý	07/07/2003	CC21COD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
298	2152932	Vương Tú Quyên	28/06/2003	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
299	2252704	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	17/06/2004	CC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
300	2252706	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	20/07/2004	CC22KYS2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
301	2252711	Đoàn Tấn Sang	09/11/2004	CC22KHM3	An Giang	Tỉnh An Giang	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
302	2252712	Phạm Trần Thanh Sang	16/04/2004	CC22DK11	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,40	Giỏi	7520604	CC	Kỹ thuật Dầu khí	
303	2252714	Thái Minh Sang	01/02/2004	CN22CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520101	CC	Cơ Kỹ thuật	
304	2252715	Đỗ Quang Sinh	01/04/2004	CC22KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Quảng Ngãi	3,00	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
305	2212945	Nguyễn Thái Sơn	08/03/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,40	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
306	2152943	Trần Hoài Sơn	28/04/2003	CC22KQC1	Long An	Tỉnh Long An	3,30	Giỏi	7580101	CC	Kiến trúc	
307	2252720	Võ Trúc Sơn	10/08/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
308	2153771	Hoàng Thị Diệp Sương	27/01/2003	CC22HHC	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
309	2252722	Nguyễn Thành Tài	24/08/2004	CC22KTM1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,30	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
310	2252727	Trần Chí Tài	10/02/2004	CC22KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
311	2252729	Trương Hữu Tài	12/03/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
312	2252732	Mai Hoàng Băng Tâm	03/12/2004	CC22CSH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
313	2252733	Nguyễn Dương Khánh Tâm	25/02/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
314	2213030	Nguyễn Thị Minh Tâm	29/03/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
315	2153780	Huỳnh Nguyễn Thiên Tân	12/09/2003	CC21ROB1	Phú Yên	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
316	2252744	Bùi Duy Thái	17/06/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
317	2153794	Trần Đình Thái	28/08/2003	CC21LQC2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,60	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
318	2252746	Trần Nguyễn Quốc Thái	04/11/2004	CC22QCV1	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
319	2252764	Lê Quang Thắng	07/09/2004	CC22HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
320	2252766	Nguyễn Hữu Quốc Thắng	03/05/2004	CC22KTO1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
321	2252749	Lê Quang Thành	17/02/2004	CC22KHM2	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
322	2053437	Nguyễn Tiến Thành	17/09/2002	CC20KHM2	Bình Định	Tỉnh Gia Lai	6,53	TB Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
323	2252755	Nguyễn Văn Thành	24/02/2004	CC22COD1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	2,80	Khá	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
324	2153805	Huỳnh Thạch Thảo	25/05/2003	CN21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520101	CC	Cơ Kỹ thuật	
325	2252756	Lê Nguyễn Thanh Thảo	08/03/2004	CC22QKD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
326	2252757	Lê Thị Phương Thảo	15/05/2004	CC22KHM3	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
327	2252770	Nguyễn Minh Thiện	06/03/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
328	2252775	Lê Hoàng Thịnh	10/03/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
329	2252781	Thái Thanh Quốc Thịnh	07/03/2004	CN22KHM1	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
330	2252797	Nguyễn Minh Thư	07/05/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
331	2252798	Trần Diễm Đoàn Thư	20/10/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
332	2252800	Trần Minh Thư	23/01/2004	CC22CSH1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,10	Khá	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
333	2252801	Trần Nguyễn Anh Thư	27/09/2004	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
334	2153870	Vũ Nguyễn Anh Thư	01/11/2003	CC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
335	2153850	Đặng Ngọc Thuận	31/03/2003	CC22KYS1	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2,70	Khá	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
336	2153849	Đặng Ngọc Thuận	28/06/2003	CC22DK11	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520604	CC	Kỹ thuật Dầu khí	
337	2252787	Nguyễn Chí Thuận	15/11/2004	CC22HLY	Long An	Tỉnh Long An	3,30	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
338	2252788	Nguyễn Văn Thuận	27/12/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
339	2252790	Trương Quốc Thuận	12/09/2004	CC22KHM2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
340	2252803	Nguyễn Ngọc Song Thương	15/01/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	4,00	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
341	2252793	Hà Thanh Thủy	23/06/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
342	2252811	Nguyễn Văn Tiến	06/06/2004	CC22KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
343	2213487	Huỳnh Trọng Tín	29/06/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
344	2115006	Ngô Đình Đức Tín	27/01/2003	CC22KMT1	Ninh Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
345	2153897	Trần Trọng Tín	12/02/2003	CC21KTX2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7580201	CC	Kỹ thuật Xây dựng	
346	2053501	Trần Vũ Nhật Tín	26/02/2002	CC21KTO1	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
347	2252816	Võ Phúc Tín	24/05/2004	CC22KYS1	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
348	2252821	Nguyễn Phan Khánh Toàn	08/03/2004	CC22KTO2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,50	Giỏi	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
349	2252830	Ngô Ngọc Trâm	30/10/2004	CC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
350	2252833	Lê Thanh Bảo Trâm	11/10/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
351	2252835	Trần Huy Bảo Trâm	29/09/2004	CC22HVC	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
352	2252836	Võ Hoàng Gia Trâm	25/08/2004	CC22DK11	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,30	Giỏi	7520604	CC	Kỹ thuật Dầu khí	
353	2252824	Lê Mỹ Trang	09/05/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
354	2053510	Ngô Minh Trang	07/01/2002	CC22QKD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
355	2252826	Nguyễn Khánh Trang	16/01/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
356	2053528	Huỳnh Minh Trí	22/11/2002	CC20HC11	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,51	TB Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
357	2252844	Nguyễn Năng Trí	23/03/2004	CC22KTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
358	2252846	Triệu Minh Trí	11/05/2004	CC22ROB1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
359	2252837	Tcheng Tân Tríết	23/09/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
360	2252840	Phạm Nguyễn Minh Triều	06/06/2004	CC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
361	2252861	Đinh Nguyễn Thanh Trúc	17/06/2004	CC22HKG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
362	2252862	Hồ Huỳnh Trúc	21/11/2004	CN22CKT1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,50	Giỏi	7520101	CC	Cơ Kỹ thuật	
363	2152330	Nguyễn Thị Thanh Trúc	25/01/2003	CC22KYS1	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	3,50	Giỏi	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
364	2252852	Đoàn Nam Trung	17/02/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
365	2053538	Lại Đức Trung	21/02/2002	CN20KHM1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7,04	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
366	2252854	Lê Minh Trung	29/09/2004	CC22KHM3	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,60	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
367	2252857	Nguyễn Trịnh Bảo Trung	25/07/2004	CC22KTO2	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	2,60	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
368	2252858	Phạm Đoàn Bảo Trung	16/02/2004	CC22KHM3	Thành phố Hà Nội	Thành Phố Hà Nội	3,50	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
369	2213710	Phạm Nguyễn Quốc Trung	04/04/2004	CC22LQC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510605	CC	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
370	2252859	Trần Quốc Trung	12/11/2004	CC22KHM3	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,90	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
371	2252880	Lưu Minh Tú	26/02/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
372	2252883	Phạm Lê Song Tú	15/02/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
373	2252865	Đỗ Huỳnh Anh Tuấn	07/03/2004	CC22COD2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
374	2252866	Đỗ Minh Tuấn	02/07/2004	CC22KTO2	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520130	CC	Kỹ thuật Ô tô	
375	2252873	Nguyễn Hoàng Ngọc Tuấn	01/08/2004	CC22KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,80	Khá	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
376	2252876	Phạm Hữu Tuấn	06/02/2004	CC22CSH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
377	2153947	Vũ Thái Tuấn	15/09/2003	CN21CKT1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	2,60	Khá	7520101	CC	Cơ Kỹ thuật	
378	2252878	Nguyễn Anh Tuệ	30/06/2004	CC22ROB1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520114	CC	Kỹ thuật Cơ điện tử	
379	2252885	Nguyễn Văn Tùng	08/01/2004	CC22KMT1	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520320	CC	Kỹ thuật Môi trường	
380	2252887	Hồ Gia Tường	31/05/2004	CC22KHM3	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
381	2252888	Lê Huỳnh Cát Tường	27/11/2004	CC22QCV1	An Giang	Tỉnh An Giang	3,40	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
382	2252889	Lý Triều Uy	03/10/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
383	2252892	Đặng Nguyễn Mai Uyên	02/06/2004	CC22QCV2	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2,80	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
384	2252895	Phạm Nguyễn Ngọc Uyên	13/09/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
385	2252896	Tạ Tú Uyên	13/09/2004	CC22CSH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
386	2252898	Huỳnh Ngọc Văn	31/08/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
387	2252899	Lê Nhân Văn	25/06/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
388	2153972	Lữ Quốc Vinh	14/04/2003	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
389	2252910	Nguyễn Gia Vinh	13/11/2004	CC22HTP1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Khá	7540101	CC	Công nghệ Thực phẩm	
390	2213973	Nguyễn Quang Vinh	23/01/2004	CC22KTM2	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480106	CC	Kỹ thuật Máy tính	
391	2252912	Nguyễn Quốc Mỹ Vinh	08/01/2004	CC22MTB	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,40	Giỏi	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
392	2252914	Trần Trung Vĩnh	23/04/2004	CC22KHM3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
393	2252915	Bùi Trần Huy Vũ	23/01/2004	CC22KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
394	2153979	Lê Duy Vũ	01/01/2003	CC21HKG2	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	2,10	Trung bình	7520120	CC	Kỹ thuật Hàng không	
395	2252919	Nguyễn Hoàng Vũ	23/11/2004	CC22KHM3	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
396	2252920	Nguyễn Hùng Vũ	14/07/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
397	2152348	Đào Khánh Vy	23/08/2003	CC22QCV2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
398	2252924	Đoàn Lê Vy	28/06/2004	CN22KHM1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
399	2252926	Nguyễn Đặng Tường Vy	23/11/2004	CC22CSH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7420201	CC	Công nghệ Sinh học	
400	2252931	Phạm Phương Vy	21/01/2004	CC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
401	2252933	Trần Ngọc Yến Vy	06/01/2004	CC22QCV1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	CC	Quản lý Công nghiệp	
402	2252936	Võ Huỳnh Khánh Vy	25/08/2004	CC22KHM3	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,30	Giỏi	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
403	2252938	Phan Chí Vỹ	28/09/2004	CC22KHM3	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	CC	Khoa học Máy tính	
404	2252940	Nguyễn Khánh Yên	16/10/2004	CC22KYS1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520401	CC	Vật lý Kỹ thuật	
405	2053612	Lăng Thị Tiểu Yến	15/02/2001	CC22HVC	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,70	Khá	7520301	CC	Kỹ thuật Hóa học	
Khoa Cơ khí												
1	2210176	Trần Nguyễn Hoàng Ân	02/01/2004	CK22CDT1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,30	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
2	2210045	Bùi Mai Anh	29/02/2004	CK22DET	Lai Châu	Tỉnh Bình Phước	2,80	Khá	7520312	DH	Kỹ thuật Dệt	
3	1811417	Lê Nhật Anh	13/09/2000	BT18CTM2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	7.24	Khá	7520103	VLVH	Kỹ thuật Cơ khí	
4	2112772	Lưu Lữ Anh	18/08/2003	CK21CK07	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
5	2210079	Ngô Tuấn Anh	28/08/2004	BD22BDG1	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,10	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
6	1912596	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	19/12/2001	BT19CK1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	6.34	TB Khá	7520103	VLVH	Kỹ thuật Cơ khí	
7	2210394	Lê Đức Chương	03/09/2004	CK22CDN	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,60	Xuất Sắc	7520114	TN	Kỹ thuật Cơ điện tử	
8	2210401	Trần Hoàng Chương	08/10/2003	BD22BDG1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,00	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
9	2210744	Võ Minh Đăng	05/04/2004	CK22CDT1	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2,90	Khá	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
10	2113130	Lâm Phạm Thành Đạt	13/11/2003	BD21BDG5	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,00	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
11	2011067	Nguyễn Phước Đạt	30/11/2002	CK20CK02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,63	TB Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
12	2233168	Trần Tiến Đạt	20/07/2000	BT22COL2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7.03	Khá	7520114	VLVH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
13	2111082	Nguyễn Phúc Đức	11/10/2003	CK21CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
14	2012870	Nguyễn Tuấn Dũng	05/09/2002	BD20BDG2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,92	TB Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
15	2113071	Nguyễn Xuân Dũng	18/01/2003	BD21BDG4	Thanh Hóa	Tỉnh Đồng Nai	2,80	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
16	2012841	Trần Bảo Duy	06/06/2002	CK20NH1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	7,34	Khá	7520115	DH	Kỹ thuật Nhiệt	
17	2113052	Nguyễn Dương Hữu Duyên	17/04/2003	CK21CDT4	An Giang	Tỉnh An Giang	3,20	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
18	2210911	Nguyễn Anh Vĩnh Hào	10/05/2004	CK22CK02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
19	2011186	Hà Minh Hiếu	03/01/2002	CK20CDT2	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	7,09	Khá	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
20	2211000	Nguyễn Sỹ Minh Hiếu	10/05/2004	CK22CDN	Hà Tĩnh	Tỉnh Đồng Nai	3,90	Xuất Sắc	7520114	TN	Kỹ thuật Cơ điện tử	
21	2153419	Trần Ngọc Hữu	24/10/2003	BT22COD	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7.83	Giỏi	7520114	VLVH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
22	2113461	Đặng Việt Huy	18/01/2003	CK21CK08	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,20	Giỏi	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
23	2113463	Đinh Toàn Huy	03/12/2003	CK21CK05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
24	2113475	Huỳnh Châu Quốc Huy	05/07/2003	CK21CK08	Long An	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
25	2211198	Lương Quốc Huy	20/09/2004	CK22CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
26	1913677	Nguyễn Việt Kha	24/08/2001	BT19BDG	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.70	TB Khá	7510211	VLVH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
27	2013439	Võ Hoàng Khang	23/08/2002	BD20BDG3	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7,07	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
28	2211580	Bùi Anh Khoa	25/04/2004	CK22CDT1	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
29	2011410	Chu Kỳ Văn Khoa	02/08/2002	CK20CK02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,54	TB Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
30	2113767	Nguyễn Hữu Khoa	18/02/2003	BD21BDG4	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,20	Trung bình	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
31	2211700	Trần Vĩnh Khôi	03/01/2004	CK22CK05	Vĩnh Long	Tỉnh Bến Tre	2,80	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
32	2211748	Huỳnh Duy Kiệt	14/06/2004	CK22CK05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
33	1910291	Nguyễn Tuấn Kiệt	19/05/2001	BT19CK1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.83	TB Khá	7520103	VLVH	Kỹ thuật Cơ khí	
34	2211782	Nguyễn Huỳnh Thiên Kim	16/06/2003	CK22CDT2	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
35	2211787	Đặng Minh Kỳ	30/06/2004	CK22CDN	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,70	Xuất Sắc	7520114	TN	Kỹ thuật Cơ điện tử	
36	2211828	Nguyễn Phạm Thanh Lân	29/06/2004	CK22CK05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
37	2013649	Nguyễn Thu Loan	22/03/2002	CK20DM1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	7,04	Khá	7540204	DH	Công nghệ Dệt, May	
38	2013708	Trương Huỳnh Quảng Lợi	22/03/2002	CK20CK06	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	6,95	TB Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
39	2113935	Nguyễn Hoàng Long	11/01/2003	CK21CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
40	2211905	Trần Khánh Long	31/12/2004	CK22CK05	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
41	2212029	Đoàn Trần Khánh Minh	15/09/2004	BD22BDG1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
42	1914164	Nguyễn Hà Anh Minh	23/12/2001	BT19CK1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.00	Khá	7520103	VLVH	Kỹ thuật Cơ khí	
43	2111773	Trần Ngọc Minh	29/04/2003	CK21CDT1	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
44	2212381	Trần Chí Nhân	27/01/2004	BD22BDG1	Long An	Tỉnh Long An	3,00	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
45	2212562	Nguyễn Văn Thanh Phong	01/10/2004	CK22CK07	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,80	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
46	2212602	Trương Vũ Hoài Phú	10/02/2004	CK22CDT3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
47	2114460	Triệu Thanh Phúc	11/02/2003	CK21CDT3	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,20	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
48	2212696	Nguyễn Hồ Phương	10/08/2004	CK22CDT1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,70	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
49	2212764	Vương Lê Quang	18/10/2004	CK22CDT1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
50	2212858	Nguyễn Ngọc Quyền	20/10/2004	CK22CDT3	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,30	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
51	2212929	Nguyễn Chí Sĩ	17/12/2004	CK22CDT1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,70	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
52	2212952	Phạm Thanh Sơn	19/07/2004	BD22BDG1	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,00	Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
53	2213020	Lê Thành Tâm	01/12/2004	CK22CDT1	Bình Dương	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
54	2110526	Nguyễn Đoàn Nhựt Tân	13/10/2003	CK21CK02	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,60	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
55	2233211	Trương Ngọc Thạch	06/05/2000	BT22COL2	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	7.12	Khá	7520114	VLVH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
56	2213116	Phạm Thành Thái	19/08/2004	CK22CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
57	2213197	Mai Đức Thắng	18/08/2004	CK22CDT1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
58	2114833	Nguyễn Hà Vinh Thắng	14/09/2003	CK21CK08	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
59	2213082	Ái Minh Thanh	25/08/2004	CK22DET	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520312	DH	Kỹ thuật Dệt	
60	2012109	Hà Đức Thịnh	10/05/2002	CK20CK03	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,26	TB Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
61	2112368	Nguyễn Quan Thịnh	28/11/2003	CK21CDT1	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2,80	Khá	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
62	2014650	Nguyễn Hữu Thuận	04/01/2002	BD20BDG2	An Giang	Tỉnh An Giang	6,74	TB Khá	7510211	DH	Bảo dưỡng Công nghiệp	
63	2213417	Đào Nguyễn Mạnh Thương	22/06/2004	CK22CDT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
64	2213439	Nguyễn Trần Văn Tiên	10/07/2004	CK22CDT1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
65	2112428	Bạch Quang Tiến	14/11/2003	CK21CK02	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,20	Trung bình	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
66	2213488	Lê Trung Tín	13/07/2004	CK22CK09	Vĩnh Long	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
67	2014758	Từ Lê Tín	18/10/2002	CK20NH2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	7,08	Khá	7520115	DH	Kỹ thuật Nhiệt	
68	2213518	Hồ Thanh Tịnh	08/11/2004	CK22CK10	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,60	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
69	2115151	Phan Quang Trường	23/10/2003	CK21CK07	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,60	Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
70	2014957	Quách Minh Tuấn	28/11/2002	CK20NH2	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	7,05	Khá	7520115	DH	Kỹ thuật Nhiệt	
71	2012361	Trần Phan Cao Tuấn	06/11/2002	CK20CK02	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	6,80	TB Khá	7520103	DH	Kỹ thuật Cơ khí	
72	2247620	Bùi Quang Vinh	16/08/2000	KC22NLLT	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.60	Khá	7520115	VLVH	Kỹ thuật Nhiệt	
73	2214070	Vương Nguyễn Trường Xuân	22/01/2004	CK22CDT4	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520114	DH	Kỹ thuật Cơ điện tử	
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí												
1	2210152	Võ Trâm Anh	14/01/2004	DC22DK1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2,90	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
2	1910042	Heng Gia Bảo	24/07/2001	BT19DC1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.81	TB Khá	7520501	VLVH	Kỹ thuật Địa chất	
3	2112914	Phan Phước Bun	10/03/2003	DC21DK1	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	2,80	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
4	1913007	Đào Duy Đại	18/04/2001	BT19DC1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	6.44	TB Khá	7520501	VLVH	Kỹ thuật Địa chất	
5	2012919	Lê Quốc Đạt	04/06/2002	DC20DK1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6,57	TB Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
6	2113161	Trần Quốc Đạt	14/04/2003	DC21DK1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
7	2012885	Nguyễn ái Đại Dương	14/04/2002	DC20DC1	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,09	Khá	7520501	DH	Kỹ thuật Địa chất	
8	2211004	Nguyễn Văn Hiếu	07/05/2004	DC22DK1	Thanh Hóa	Tỉnh An Giang	3,10	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
9	2013521	Trương Ngọc Anh Khoa	23/08/2002	DC20DK1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,11	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
10	2211677	Lâm Nguyễn Minh Khôi	09/02/2004	DC22DK1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	3,30	Giỏi	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
11	2211819	Phạm Xuân Lâm	25/01/2004	DC22DK1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
12	2211903	Trần Hoàng Long	10/07/2004	DC22DK1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
13	2212242	Trần Trọng Nghĩa	11/02/2004	DC22DK1	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	2,90	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
14	1914412	Trần Trọng Nguyễn	09/01/2000	BT19DK1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	7.45	Khá	7520604	VLVH	Kỹ thuật Dầu khí	
15	2212979	Ngô Tấn Tài	27/11/2004	DC22DK1	Hậu Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
16	2213083	Dương Thị Tú Thanh	10/12/2004	DC22DK1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,20	Giỏi	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
17	2115180	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	24/04/2001	DC21DK1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520604	DH	Kỹ thuật Dầu khí	
Khoa Điện - Điện tử												
1	2210005	Đỗ Quốc An	08/11/2004	DD22TTN	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,80	Xuất Sắc	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
2	2210008	Huỳnh Lê Thái An	05/07/2004	DD22DTH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
3	2210041	Trương Tuấn An	06/01/2004	DD22DTH1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
4	2210170	Nguyễn Thiện Ân	07/08/2004	DD22DTH1	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
5	2210122	Phạm Dũng Hoàng Anh	24/01/2004	DD22DTH1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,50	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
6	2210189	Vũ Xuân Bách	15/08/2004	DD22DTH1	Ninh Thuận	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
7	1710593	Nguyễn Đình Bảo	21/04/1999	BT17TDH2	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	7.69	Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
8	2012668	Nguyễn Huỳnh Quốc Bảo	16/06/2002	BT20DTH	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.26	Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
9	2210267	Thái Việt Bảo	12/02/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
10	2210288	Võ Đức Bảo	01/09/2004	DD22TTN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
11	2210338	Vũ Thanh Bình	12/10/2004	DD22TTN	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,60	Xuất Sắc	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
12	2210339	Nguyễn Hoài Bửu	04/02/2004	DD22DTH1	An Giang	Tỉnh An Giang	3,50	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
13	2233097	Lê Từ Châu	12/07/1997	BT22DHLT	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	7.26	Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
14	1910880	Đỗ Quang Chuẩn	27/08/2001	BT19KDI	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6.40	TB Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
15	2210414	Nguyễn Chí Cường	27/11/2004	DD22DTH1	Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
16	2210641	Lê Đức Anh Đại	07/11/2004	DD22DTH1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,10	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
17	2111038	Bùi Xuân Đăng	21/02/2003	DD21KTD1	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2,50	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
18	2210660	Đặng Tiến Đạt	20/09/2004	DD22DTH1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
19	2210661	Đinh Đăng Tiến Đạt	07/07/2004	DD22DTH1	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
20	2210663	Đinh Phúc Đạt	15/08/2004	DD22DTH1	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
21	2210672	Hồ Tuấn Đạt	19/01/2004	DD22DTH1	Bình Phước	Tỉnh Đồng Nai	3,00	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
22	2210682	Lê Thành Đạt	17/07/2004	DD22DVT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
23	2210684	Lê Thành Đạt	27/08/2004	DD22DTH1	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
24	2210708	Nguyễn Văn Đạt	19/01/2004	DD22DVT1	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,80	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
25	2210565	Đinh Hồng Dũng	10/04/2004	DD22DTH1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
26	2210614	Nguyễn Huỳnh Thủy Dương	13/12/2004	DD22DTH1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
27	2210494	Bùi Anh Duy	22/10/2004	DD22DVT1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,60	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
28	1910955	Nguyễn Nam Duy	18/04/2001	BT19DVT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.80	TB Khá	7520207	VLVH	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	
29	2210527	Nguyễn Thanh Duy	18/06/2004	DD22DVT1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
30	2111117	Đỗ Thanh Hà	15/05/2003	DD21DV1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	2,70	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
31	2210879	Đoàn Nguyễn Ngọc Hải	02/05/2004	DD22DTH1	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
32	1733467	Hoàng Ngọc Hải	15/09/1994	BT17DNLT	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7.74	Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
33	2210887	Lưu Quang Hải	19/05/2004	DD22DTH1	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,50	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
34	2210973	Nguyễn Thị Phương Hiền	29/05/2004	DD22DVT2	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
35	2211041	Hồ Phạm Thanh Hiệp	22/08/2004	DD22DVT2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,80	Xuất Sắc	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
36	2210979	Dương Quang Hiếu	02/03/2004	DD22DTH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
37	2113348	Lê Đình Minh Hiếu	06/08/2003	DD21DV2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	2,50	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
38	2211016	Trần Trung Hiếu	21/06/2004	DD22DTH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
39	1951052	Bùi Minh Hoàng	13/03/2000	BT20TTVT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.47	TB Khá	7520207	VLVH	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	
40	2211107	Nguyễn Xuân Trần Hoàng	20/11/2004	DD22DTH1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
41	2111267	Cao Tấn Học	15/10/2003	DD21TD1	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
42	2211342	Nguyễn Trần Đức Hùng	26/06/2004	DD22TTN	Lâm Đồng	Tỉnh Khánh Hòa	3,60	Xuất Sắc	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
43	2211160	Đặng Đức Huy	02/08/2004	DD22DVT2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,90	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
44	2011259	Lê Đào Quang Huy	08/03/2002	DD20KTD2	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	6,85	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
45	2211189	Lê Hoàng Huy	26/10/2004	DD22DVT2	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Hậu Giang	2,90	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
46	2211223	Nguyễn Minh Huy	16/08/2004	DD22DVT2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
47	2211263	Phạm Gia Huy	10/09/2004	DD22TTN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
48	2011295	Trần Thanh Huy	04/10/2002	DD20DV3	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	7,18	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
49	2211291	Trương Gia Huy	04/08/2004	DD22DTH1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
50	2211414	Nguyễn Thành Kha	05/11/2004	DD22DTH1	Bình Định	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
51	2248025	Nguyễn Đức Khả	23/07/2004	BK22HTD	An Giang	Tỉnh An Giang	7.95	Giỏi	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
52	2113728	Nguyễn Võ Hoàng Khải	11/09/2003	DD21KTD2	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	2,70	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
53	1737022	Bùi Trọng Khang	08/09/1996	BT17DHLT	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.04	Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
54	2211427	Huỳnh An Khang	14/04/2004	DD22DTH1	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
55	2113668	Nguyễn Hoàng Trung Khang	05/05/2003	DD21KTD2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,20	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
56	2211464	Phạm Lộ Hoàng Khang	09/10/2004	DD22DVT1	An Giang	Tỉnh An Giang	3,90	Xuất Sắc	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
57	2211464	Phạm Lộ Hoàng Khang	09/10/2004	DD22DTH1	An Giang	Tỉnh An Giang	3,90	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
58	2211485	Lê Tuấn Khanh	20/02/2004	DD22DVT2	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,30	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
59	2113696	Lê Huỳnh Phú Khánh	02/09/2003	DD21DV2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,50	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
60	2211512	Lê Nam Khánh	20/10/2004	DD22DVT2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tiền Giang	3,10	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
61	2233109	Trần Văn Khánh	12/08/2000	BT22DNLT	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.72	Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
62	2211638	Nguyễn YẾN Khoa	11/11/2004	DD22DTH1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,30	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
63	2010344	Phạm Tiến Khoa	12/09/2002	DD20DV3	An Giang	Tỉnh An Giang	7,10	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
64	2211659	Võ Anh Khoa	29/11/2004	DD22DVT2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
65	2211683	Lưu Lê Anh Khôi	04/07/2004	DD22DVT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
66	2211708	Trịnh Đức Khuê	11/07/2004	DD22DTH2	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
67	2113817	Mai Trung Kiên	03/03/2003	DD21TD1	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,30	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
68	2211736	Trần Hoàng Kiên	05/02/2004	DD22DVT2	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,10	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
69	2211737	Trần Nguyễn Trung Kiên	14/10/2004	DD22DVT2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,00	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
70	2013594	Nguyễn Hữu Lãm	20/09/2002	DD20DV3	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6,53	TB Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
71	2010380	Trần Trương Hoài Linh	21/08/2002	DD20KTD3	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	6,69	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
72	2111689	Lê Thành Lộc	20/03/2003	DD21DV3	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	2,80	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
73	2211924	Nguyễn Bá Lộc	07/03/2004	DD22KDI1	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	2,40	Trung bình	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
74	1951166	Nguyễn Thành Lộc	11/08/2001	BT19TTTD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.51	TB Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
75	2211877	Hoàng Văn Long	11/05/2002	DD22DTH2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,50	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
76	2011550	Lương Sĩ Hoàng Long	19/06/2002	DD20DV3	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	6,39	TB Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
77	2211898	Phương Hiền Long	03/12/2004	DD22DVT3	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,10	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
78	2211910	Võ Quế Long	06/02/2004	DD22DTH2	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
79	1935021	Phạm Văn Luân	20/12/1991	BT17DHLT	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6.97	TB Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
80	2011596	Nguyễn Đạt Lý	25/10/2002	DD20KTD3	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	6,23	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
81	2211994	Lê Đức Mạnh	02/05/2004	DD22DTH2	Thái Bình	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
82	2211997	Nguyễn Đức Mạnh	25/07/2004	DD22DTH2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
83	2013739	Nguyễn Vũ Doãn Mạnh	12/03/2002	DD20KTD3	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	6,69	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
84	2212018	Cao Bình Minh	20/01/2004	DD22DTH2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
85	2212078	Phùng Khải Minh	08/01/2004	DD22DTH2	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
86	2420017	Võ Trà My	25/02/1997	B222DVT	Quảng Trị	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520207	B2	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
87	2212127	Lê Duy Nam	23/02/2004	DD22KDI1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,30	Trung bình	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
88	1712245	Nguyễn Sĩ Nam	09/09/1998	BT17DVT2	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	6.25	TB Khá	7520207	VLVH	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	
89	2212150	Nguyễn Thái Thành Nam	27/01/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
90	2111838	Hoàng Minh Nghĩa	20/02/2003	DD21DV3	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	2,60	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
91	2212249	Hoàng Viêt Ngoan	01/09/2004	DD22KDI2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,80	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
92	2212332	Từ Phúc Nguyễn	24/04/2004	DD22DVT3	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,20	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
93	2010475	Huỳnh Minh Nhân	02/02/2002	DD20KTD3	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	6,47	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
94	1914432	Huỳnh Tấn Nhân	11/10/2001	BT19KDI	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	6.36	TB Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
95	2212359	Mã Chí Nhân	13/09/2004	DD22DVT3	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	3,60	Xuất Sắc	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
96	2212464	Bùi Thị Huyền Như	06/09/2004	DD22DVT3	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,50	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
97	2212471	Nguyễn Quỳnh Như	25/12/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
98	2247568	Châu Minh Phát	02/02/2000	KC22DNLT	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	7.64	Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
99	2212509	Lê Dương Phát	24/02/2004	DD22DVT3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
100	2212513	Lê Tiến Phát	13/08/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,00	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
101	2212536	Trần Kim Phát	01/07/2004	DD22DTH2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
102	2112024	Vân Đồng Phú	19/04/2003	DD21TD2	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,80	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
103	2233197	Đào Nguyễn Thái Phúc	22/10/2000	BT22DHL2	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.80	Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
104	2212662	Cao Thái Phụng	21/07/2004	DD22DTH2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
105	2212670	Bùi Minh Phương	07/03/2004	DD22TTN	Quảng Ngãi	Tỉnh Đắk Nông	3,70	Xuất Sắc	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
106	2212697	Nguyễn Minh Phương	16/05/2004	DD22DVT3	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,20	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
107	1914827	Ngô Minh Quân	25/08/2001	BT19KDI	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6.30	TB Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
108	2114548	Nguyễn Minh Quân	11/12/2003	DD21KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	2,50	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
109	2014279	Phạm Minh Quân	10/01/2002	DD20KTD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,41	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
110	2212832	Hà Phước Việt Quốc	30/10/2004	DD22DVT3	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,30	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
111	2212901	Ve Samy	29/01/2004	DD22DVT3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
112	2212934	Đặng Thái Sơn	27/11/2004	DD22DTH2	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	2,60	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
113	2212948	Nguyễn Trinh Bảo Sơn	06/06/2004	DD22DVT3	Hà Tĩnh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
114	2212930	Nguyễn Trường Sơn	06/06/2004	DD22DVT3	Nghệ An	Tỉnh Bình Dương	2,60	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
115	2212970	Hồ Xuân Tuấn Tài	03/05/2004	DD22DVT1	An Giang	Tỉnh Bình Dương	3,40	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
116	2213005	Võ Đức Tài	25/09/2004	DD22DVT3	Bình Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
117	2148044	Nguyễn Hữu Tâm	20/10/2003	BK21HTD	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	7.24	Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
118	2213081	Ngô Văn Tất	06/09/2004	DD22DTH2	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,80	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
119	1915236	Nguyễn Nhật Thắng	03/01/2001	BT19KDI	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.89	TB Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
120	2213087	Lê Văn Thanh	24/04/2004	DD22DTH2	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,50	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
121	2114773	Đàm Vũ Nhật Thành	30/05/2003	DD21KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
122	2213135	Nguyễn Hữu Thành	15/06/2004	DD22DTH2	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,70	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
123	2213150	Trần Xuân Thành	19/10/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
124	2014529	Trần Ngọc Thạnh	05/08/2002	DD20KTD1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	6,33	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
125	2014566	Lê Xuân Thiên	10/09/2002	DD20KTD1	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	6,59	TB Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
126	2213256	Nguyễn Ngọc Thiện	07/07/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
127	2114910	Nguyễn Hoàng Thọ	28/06/2003	DD21DV4	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	2,80	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
128	1951102	Đồng Quốc Thống	19/07/2001	BT19TTTD	Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,59	TB Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
129	2014656	Phan Nhất Thuận	01/04/2002	DD20KTD1	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,00	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
130	2213498	Nguyễn Trí Tín	17/05/2004	DD22DTH1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
131	2115021	Lê Ngô Tĩnh	03/05/2003	DD21DV4	Hà Tây	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
132	1915539	Hoàng Văn Toàn	22/04/2001	BT19KDI	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	6,89	TB Khá	7520201	VLVH	Kỹ thuật Điện	
133	2213534	Nguyễn Minh Toàn	19/01/2004	DD22DVT4	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
134	2213593	Nguyễn Thị Ngọc Trân	19/04/2004	DD22DVT4	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,20	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
135	2213604	Bùi Minh Triết	31/10/2004	DD22DTH2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,60	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
136	2213605	Đặng Minh Triết	09/03/2004	DD22DTH2	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,50	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
137	2213612	Nguyễn Hoàng Triều	04/06/2004	DD22DVT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
138	2233086	Nguyễn Huỳnh Triệu	01/01/1998	BT22DHLT	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	6,84	Khá	7520216	VLVH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
139	2012296	Lương Quang Trịnh	14/07/2002	DD20KTD1	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	7,70	Khá	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
140	2213677	Phạm Thành Trọng	23/09/2004	DD22KDI2	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,60	Xuất Sắc	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
141	2213725	Phạm Thanh Trúc	25/12/2004	DD22DVT4	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
142	2213728	Trần Ngọc Xuân Trúc	14/10/2004	DD22DVT4	An Giang	Tỉnh An Giang	3,00	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
143	2213703	Nguyễn Trịnh Thành Trung	25/11/2004	DD22DVT4	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,40	Giỏi	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
144	2115141	Lê Thành Trương	01/11/2003	DD21KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,10	Trung bình	7520201	DH	Kỹ thuật Điện	
145	2115149	Nguyễn Xuân Trường	09/01/2003	DD21TD2	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,70	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
146	2213780	Nguyễn Công Tuấn	03/08/2004	DD22DTH2	An Giang	Tỉnh An Giang	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
147	2213787	Nguyễn Mạnh Tuấn	22/01/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
148	2115181	Nguyễn Thanh Tuấn	01/04/2003	DD21DV4	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,70	Khá	7520207	DH	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
149	2213797	Nguyễn Văn Minh Tuấn	28/01/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
150	2213880	Đặng Thế Tường	12/05/2004	DD22DTH2	Đồng Nai	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
151	2213895	Lê Gia Uy	11/11/2004	DD22DTH2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
152	2213913	Lâm Hùng Vạn	27/07/2004	DD22DTH1	An Giang	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
153	2213968	Nguyễn Vinh	26/04/2004	DD22DTH2	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,20	Giỏi	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
154	2213975	Phan Tiến Vinh	17/01/2004	DD22TTN	An Giang	Tỉnh An Giang	3,60	Xuất Sắc	7520216	TN	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
155	2214031	Lê Nhã Vy	24/04/2004	DD22DTH2	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	2,50	Khá	7520216	DH	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
Khoa Kỹ thuật Giao thông												
1	2210025	Nguyễn Thành An	20/10/2003	GT22OTO1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,00	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
2	2210083	Nguyễn Hoàng Anh	19/09/2004	GT22OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,50	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
3	2210092	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	18/01/2004	GT22OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
4	2210194	Châu Gia Bảo	03/06/2004	GT22OTO1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
5	2210346	Trần Công Cảnh	03/05/2004	GT22OTO1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,40	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
6	2210364	Võ Thị Hoàng Châu	03/01/2004	GT22OTO1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,30	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
7	2210678	Lê Minh Đạt	30/06/2004	GT22OTO1	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
8	2210784	Đinh Tiến Đức	21/04/2004	GT22OTO1	Thái Bình	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
9	2210524	Nguyễn Ngọc Trường Duy	07/04/2004	GT22OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
10	2210525	Nguyễn Phan Duy	29/04/2004	GT22OTO1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,70	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
11	2210539	Trần Phan Duy	18/11/2004	GT22OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
12	2013211	Trương Quang Hoài	04/11/2002	GT20OTO2	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,60	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
13	2211064	Bùi Trọng Hoàng	01/04/2004	GT22OTO1	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
14	2211112	Phạm Huy Hoàng	15/04/2004	GT22OTO1	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,30	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
15	2110186	Trương Việt Hoàng	01/10/2003	GT21OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
16	2013380	Hoàng Gia Hưng	07/01/2002	BT21KTO	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.99	Khá	7520130	VLVH	Kỹ thuật Ô tô	
17	2111346	Phạm Gia Huy	27/03/2003	GT21HK1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,80	Khá	7520120	DH	Kỹ thuật Hàng không	
18	2111346	Phạm Gia Huy	27/03/2003	GT21TAU1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,80	Khá	7520122	DH	Kỹ thuật Tàu thủy	
19	2211304	Vũ Đức Huy	03/05/2004	GT22OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
20	2113687	Võ Hoàng Khang	28/06/2003	GT21HK1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520120	DH	Kỹ thuật Hàng không	
21	2113687	Võ Hoàng Khang	28/06/2003	GT21TAU1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520122	DH	Kỹ thuật Tàu thủy	
22	2211488	Nguyễn Phạm Tuấn Khanh	19/09/2004	GT22OTO2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,80	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
23	2211600	Lê Đăng Khoa	13/04/2004	GT22OTO2	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,10	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
24	2211711	Lê Minh Khương	17/02/2004	GT22OTO2	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,20	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
25	2211749	Huỳnh Dư Kiệt	20/02/2004	GT22OTO2	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2,50	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
26	2111632	Tạ Hoàng Ngọc Lâm	01/11/2003	GT21OTO1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,30	Trung bình	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
27	2211849	Lê Nguyễn Thành Linh	30/08/2004	GT22OTO2	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,90	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
28	2211922	Lý Vạn Lộc	09/03/2004	GT22OTO2	An Giang	Tỉnh An Giang	3,30	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
29	2110344	Nguyễn Tấn Lộc	22/07/2003	GT21OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
30	2211956	Trần Ngô Nhật Luân	21/10/2004	GT22OTO2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
31	2152750	Nguyễn Đức Mạnh	29/04/2003	BT21KTO	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	6.51	Trung bình	7520130	VLVH	Kỹ thuật Ô tô	
32	1632046	Nguyễn Lê Ngọc Minh	16/09/1993	BT16KTO	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.21	Khá	7520130	VLVH	Kỹ thuật Ô tô	
33	2212087	Trịnh Khởi Minh	02/08/2004	GT22OTO2	An Giang	Thành Phố Cần Thơ	3,30	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
34	2212152	Nguyễn Trung Nam	23/02/2004	GT22OTO2	Sóc Trăng	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
35	2212183	Nguyễn Quang Ngân	07/10/2004	GT22OTO2	An Giang	Tỉnh An Giang	3,30	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
36	2212284	Đoàn Cao Nguyên	16/02/2004	GT22OTO2	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
37	2212538	Trần Võ Toàn Phát	02/08/2004	GT22OTO2	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,50	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
38	2212551	Hồ Trần An Phong	14/02/2004	GT22OTO2	An Giang	Tỉnh An Giang	2,50	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
39	1914840	Nguyễn Trung Quân	21/11/2001	BT19HKG	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7.05	Khá	7520120	VLVH	Kỹ thuật Hàng không	
40	2212874	Tôn Thất Quý	24/10/2004	GT22OTO3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
41	2114814	Nguyễn Sỹ Thạc	02/04/2003	GT21OTO2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,90	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
42	2112352	Nguyễn Đình Thiện	18/06/2003	GT21HK1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	2,90	Khá	7520120	DH	Kỹ thuật Hàng không	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
43	2112352	Nguyễn Đình Thiện	18/06/2003	GT21TAU1	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	2,90	Khá	7520122	DH	Kỹ thuật Tàu thủy	
44	2213268	Đặng Nguyễn Hưng Thịnh	20/01/2004	GT22OTO3	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,90	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
45	2114894	Nguyễn Lê Minh Thịnh	25/12/2003	GT21OTO3	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,90	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
46	2213355	Nguyễn Anh Thuận	27/06/2004	GT22OTO3	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,30	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
47	2213366	Trần Toàn Thuận	28/05/2004	GT22OTO3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
48	2213475	Trần Trọng Tiến	30/05/2004	GT22OTO3	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
49	2247830	Trần Thanh Trường	12/03/2001	KC22OTL2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tiền Giang	7.26	Khá	7520130	VLVH	Kỹ thuật Ô tô	
50	2213985	Trần Quốc Hùng VI	12/01/2004	GT22OTO3	Kiên Giang	Tỉnh Trà Vinh	3,60	Xuất Sắc	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
51	2213943	Ngô Ngọc Việt	14/08/2004	GT22OTO3	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	3,70	Xuất Sắc	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
52	2214013	Lê Vũ Hoàng Vương	10/06/2004	GT22OTO3	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,60	Xuất Sắc	7520130	DH	Kỹ thuật Ô tô	
Khoa Kỹ thuật Hóa học												
1	2010882	Nguyễn Khả Ái	03/02/2002	HC20SH	An Giang	Tỉnh An Giang	6,90	TB Khá	7420201	DH	Công nghệ Sinh học	
2	2210001	Chung Gia An	03/05/2004	HC22HHC	Trà Vinh	Tỉnh Vĩnh Long	3,50	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
3	2210026	Nguyễn Thành An	08/07/2004	HC22HVC	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2,50	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
4	2210028	Nguyễn Thùy An	10/06/2004	HC22HLY	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
5	2112795	Nguyễn Trọng Anh	02/02/2003	HC21MB	Thanh Hóa	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
6	2210363	Trần Thị Mỹ Châu	05/11/2004	HC22HLT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
7	2210373	Trần Yến Chi	22/06/2004	HC22HHC	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
8	2210743	Trần Linh Đăng	05/09/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,40	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
9	2210457	Nguyễn Quang Danh	14/01/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
10	2210459	Nguyễn Thành Danh	19/03/2004	HC22HLY	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
11	2210464	Phan Trương Hồng Dao	30/01/2004	HC22HHC	An Giang	Tỉnh An Giang	3,80	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
12	2210655	Đào Đình Đạt	11/11/2004	HC22HHC	Hưng Yên	Tỉnh Bình Phước	2,70	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
13	2153280	Lâm Thành Đạt	16/07/2003	BT22HC1	Thành Phố Hà Nội	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.07	Khá	7520301	VLVH	Kỹ thuật Hóa học	
14	1913052	Nguyễn Phúc Đạt	27/07/2001	BT19HC1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7.07	Khá	7520301	VLVH	Kỹ thuật Hóa học	
15	2210719	Trần Huy Đạt	07/12/2004	HC22HHT	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
16	2210468	Lê Hoàng Xuân Di	10/02/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
17	2210776	Nguyễn Thu Đông	19/08/2004	HC22HHC	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,50	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
18	2210798	Nguyễn Mạnh Đức	19/02/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
19	2210809	Phạm Minh Đức	28/12/2003	HC22HLY	Đồng Nai	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
20	2153311	Vũ Minh Đức	01/06/2003	BT21HC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.98	Khá	7520301	VLVH	Kỹ thuật Hóa học	
21	2210597	Trần Quốc Dũng	10/10/2004	HC22HLY	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
22	2210528	Nguyễn Thành Duy	15/12/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
23	2210553	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	16/11/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
24	2210933	Kiều Bảo Hân	22/05/2004	HC22HVC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
25	2210934	Lê Hoàng Bảo Hân	20/11/2004	HC22CSH	Quảng Nam	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7420201	DH	Công nghệ Sinh học	
26	2210937	Nguyễn Gia Hân	14/12/2004	HC22HHT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
27	2210939	Nguyễn Hồng Gia Hân	28/04/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
28	2210945	Nguyễn Trần Ngọc Hân	06/08/2004	HC22HTP	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,30	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
29	2210947	Phan Nguyễn Tuyết Hân	07/10/2004	HC22HTP	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
30	2210948	Phan Võ Bảo Hân	25/08/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
31	2210953	Trần Thị Mỹ Hân	05/05/2004	HC22HHC	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,80	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
32	2210970	Trần Thanh Hậu	25/03/2004	HC22HVC	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
33	2210984	Hà Minh Hiếu	06/08/2004	HC22MTB	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
34	2211071	Đỗ Hoàng	09/11/2004	HC22HLY	Tây Ninh	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
35	2211074	Huỳnh Huy Hoàng	18/07/2004	HC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
36	2420019	Mai Huy Hoàng	23/01/2001	B222HC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	B2	Kỹ thuật Hóa học	
37	2013408	Trần Thị Thùy Hương	13/06/2002	HC20MB1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,02	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
38	2150004	Ngô Quang Huy	03/06/2003	BT21HC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.34	Khá	7520301	VLVH	Kỹ thuật Hóa học	
39	2211214	Nguyễn Gia Huy	20/04/2004	HC22HTP	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	2,90	Khá	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
40	2211267	Phạm Nhật Huy	30/06/2004	HC22HHC	Tiền Giang	Tỉnh Bến Tre	3,40	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
41	2211478	Trương Phúc Khang	06/01/2004	HC22HHC	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
42	2211528	Nguyễn Thị Mỹ Khánh	06/12/2004	HC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
43	2211569	Nguyễn Bùi Trọng Khiêm	06/11/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
44	2211574	Phạm Gia Khiêm	01/08/2004	HC22HHC	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
45	2211613	Nguyễn Anh Khoa	13/11/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
46	2211634	Nguyễn Trần Đăng Khoa	23/02/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
47	2211658	Văn Nguyễn Anh Khoa	17/12/2004	HC22HHC	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
48	2211759	Nguyễn Châu Kiệt	09/03/2004	HC22HHT	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
49	2211817	Nguyễn Thọ Hoàng Lâm	23/06/2004	HC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
50	2211859	Phạm Mỹ Linh	06/12/2004	HC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
51	2211920	Lê Tất Nguyên Lộc	08/12/2004	HC22MTB	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	2,80	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
52	2211901	Trần Hiền Long	19/09/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
53	2211908	Trương Kim Long	14/04/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
54	2211987	Nguyễn Xuân Mai	10/02/2004	HC22HLY	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
55	2212011	Phạm Duy Mẫn	10/04/2004	HC22HTP	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,40	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
56	2212064	Nguyễn Quang Minh	04/11/2004	HC22HVC	Tiền Giang	Tỉnh Tây Ninh	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
57	2212066	Nguyễn Quang Minh	26/10/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
58	2212098	Lâm Thị Diễm My	14/07/2004	HC22HTT	Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	3,80	Xuất Sắc	7540101	TN	Công nghệ Thực phẩm	
59	2212108	Trần Lê Trang My	17/02/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
60	2212116	Trần Thị Ngọc Mỹ	03/10/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
61	2212169	Trần Ngọc Thi Nga	04/08/2004	HC22HTT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7540101	TN	Công nghệ Thực phẩm	
62	2212172	Dương Huỳnh Kim Ngân	12/01/2004	HC22HDK	Tiền Giang	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
63	2212178	Lương Phú Ngân	27/06/2004	HC22HDK	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2,90	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
64	2212190	Phạm Minh An Ngân	24/04/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Vĩnh Long	3,60	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
65	2212260	Lương Nguyễn Bảo Ngọc	23/11/2004	HC22HLT	Tiền Giang	Tỉnh Bình Dương	3,90	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
66	2212316	Nguyễn Thị Phương Nguyên	13/06/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
67	2212327	Trần Mai Hạnh Nguyên	06/09/2004	HC22HLY	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,20	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
68	2212330	Trần Thảo Nguyên	02/10/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
69	2212335	Võ Khánh Nguyên	16/02/2003	HC22HHC	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
70	2212346	Lâm Phương Nhã	24/02/2004	HC22HVC	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	3,00	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
71	2212440	Nguyễn Thị Thảo Nhi	05/05/2004	HC22HDK	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
72	2212442	Nguyễn Thục Nhi	04/10/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
73	2212492	Phạm Thị Mỹ Oanh	29/10/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
74	2212511	Lê Nguyễn Hồng Phát	25/09/2004	HC22HLY	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,00	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
75	2212586	Nguyễn Lê Hữu Phú	06/05/2004	HC22HLY	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
76	2212589	Nguyễn Phạm Quang Phú	10/07/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,90	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
77	2212633	Nguyễn Ngọc Huy Phúc	18/02/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
78	2212650	Tô Nguyễn Hoàng Phúc	03/09/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
79	2212678	Đoàn Thanh Phương	12/09/2004	HC22HTP	Long An	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
80	2212680	Hoàng Nam Phương	31/10/2004	HC22HLY	Quảng Bình	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
81	2212702	Tạ Thị Trúc Phương	01/02/2004	HC22HLY	Vĩnh Long	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
82	2212723	Huỳnh Thị Nhật Phương	01/01/2004	HC22HHT	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,70	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
83	2212772	Cao Anh Quân	25/10/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
84	2212803	Nguyễn Minh Quân	21/04/2004	HC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
85	2212744	Nguyễn Hữu Quang	14/08/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
86	2212752	Phạm Chí Quang	13/07/2004	HC22HHT	Thanh Hóa	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
87	2212751	Phan Nhật Quang	11/10/2004	HC22HLY	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
88	2212834	Hồ Hoàng Anh Quốc	03/04/2004	HC22HLY	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,80	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
89	2212889	Nguyễn Đức Bảo Quỳnh	24/04/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
90	2212898	Trương Diễm Quỳnh	26/08/2004	HC22HHT	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,50	Giỏi	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
91	2212998	Tăng Kim Tài	11/12/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
92	2213034	Nguyễn Thùy Tâm	13/02/2004	HC22HLT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
93	2213110	Nguyễn Minh Thái	24/09/2004	HC22HHT	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,90	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
94	2213128	Lâm Trọng Thành	29/03/2004	HC22HHT	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,90	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
95	2213099	Đoàn Võ Minh Thao	30/03/2004	HC22HVC	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
96	2213231	Lê Hoàng Bảo Thiên	26/04/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
97	2213266	Cao Quốc Thịnh	26/07/2004	HC22HHC	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
98	2213390	Huỳnh Ngọc Anh Thư	24/04/2003	HC22HTP	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,20	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
99	2213396	Nguyễn Hà Anh Thư	26/05/2004	HC22HHC	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,70	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
100	2213397	Nguyễn Kim Thư	19/01/2004	HC22HVC	Long An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
101	2213433	Nguyễn Quỳnh Mai Thy	14/09/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
102	2213494	Nguyễn Nhật Tín	18/02/2004	HC22HTP	Bình Định	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
103	2213495	Nguyễn Phước Tín	12/05/2004	HC22HTP	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
104	2213510	Trương Nguyễn Trung Tín	07/11/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
105	2213548	Nguyễn Anh Tổng	24/02/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
106	2213642	Lê Văn Trí	15/09/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
107	2053533	Phan Duy Trí	02/12/2002	BT21HC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.08	Khá	7520301	VLVH	Kỹ thuật Hóa học	
108	2115069	Phạm Minh Triết	12/02/2003	HC21DK	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,30	Trung bình	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
109	2213611	Phạm Trần Minh Triết	25/09/2004	HC22HVC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
110	2213610	Phan Minh Triết	17/09/2004	HC22HLY	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
111	2213729	Trần Thị Thanh Trúc	12/01/2004	HC22HTP	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7540101	DH	Công nghệ Thực phẩm	
112	2213700	Nguyễn Minh Trung	21/12/2004	HC22HHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520301	TN	Kỹ thuật Hóa học	
113	2213752	Võ Mạnh Trường	24/02/2004	HC22HVC	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
114	2012371	Hoàng Anh Tú	26/02/2002	HC20MB1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	7,11	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
115	2213854	Trần Anh Tú	24/02/2004	HC22HLY	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
116	2213773	Ngô Nguyễn Quốc Tuấn	16/12/2004	HC22CSH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Khá	7420201	DH	Công nghệ Sinh học	
117	2213875	Nguyễn Trần Thanh Tùng	10/10/2004	HC22HHC	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,50	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
118	2050025	Đào Các Tường	10/02/2002	BT21HC1	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.01	Khá	7520301	VLVH	Kỹ thuật Hóa học	
119	2213888	Nguyễn Ngọc Minh Tường	26/11/2004	HC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
120	2213894	Dương Minh Tỷ	14/03/2004	HC22HHC	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
121	2213901	Đoàn Mỹ Uyên	19/10/2004	HC22CSH	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,10	Khá	7420201	DH	Công nghệ Sinh học	
122	2213902	Huỳnh Hồ Trúc Uyên	07/07/2004	HC22HDK	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tây Ninh	2,70	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
123	2213910	Trần Ngọc Vy Uyên	04/05/2004	HC22HVC	Tiền Giang	Tỉnh Bến Tre	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
124	2213990	Hà Hoàng Vũ	17/10/2004	HC22HHC	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
125	2214024	Đặng Nguyễn Khánh Vy	17/09/2004	HC22MTB	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
126	2214041	Nguyễn Quốc Triệu Vy	09/02/2004	HC22HDK	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,10	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
127	2214042	Nguyễn Thị Thúy Vy	31/12/2004	HC22MTB	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,90	Khá	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
128	2214049	Tô Hồ Thanh Vy	20/01/2004	HC22CSH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7420201	DH	Công nghệ Sinh học	
129	2214067	Phan Kiều Diệu Xuân	23/05/2004	HC22HHC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
130	2214074	Trần Ngọc Yển	14/10/2004	HC22HDK	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7520301	DH	Kỹ thuật Hóa học	
Khoa Môi trường và Tài nguyên												
1	2210119	Phan Nguyễn Kim Anh	14/01/2004	MO22KMT1	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	3,50	Giỏi	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	
2	2210310	Lê Vũ Bình	14/07/2004	MO22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	
3	2210746	Vũ Khánh Đăng	27/09/2004	MO22KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	
4	2211284	Trần Nguyễn Anh Huy	24/08/2004	MO22QM1	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,00	Khá	7850101	DH	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
5	2113929	Đinh Viết Long	18/05/2003	MO21QLM	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,50	Khá	7850101	DH	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
6	2212379	Tô Ngọc Thiện Nhân	01/05/2004	MO22KMT1	An Giang	Tỉnh An Giang	2,90	Khá	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
7	2153666	Đỗ Tâm Như	26/06/2003	BT22KMT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7,44	Khá	7520320	VLVH	Kỹ thuật Môi trường	
8	2213228	Hồ Viết Thiên	04/10/2004	MO22KMT1	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,40	Giỏi	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	
9	2213638	Lâm Đức Trí	06/04/2004	MO22KMT1	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	3,80	Xuất Sắc	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	
10	2115223	Phạm Đường Minh Tú	18/12/2003	MO21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520320	DH	Kỹ thuật Môi trường	
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính												
1	2210002	Đặng Quốc An	28/01/2004	MT22KT01	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
2	2210022	Nguyễn Phúc An	31/08/2004	MT22KT01	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,40	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
3	2112741	Nguyễn Viết An	02/12/2003	MT21KT06	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2,70	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
4	2210050	Đỗ Tuấn Anh	02/02/2004	MT22KT01	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,80	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
5	2210078	Ngô Ngọc Tuấn Anh	13/04/2004	MT22KH01	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
6	2320001	Nguyễn Tiểu Anh	22/05/1999	B221KHM	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	B2	Khoa học Máy tính	
7	2210124	Phạm Thị Mai Anh	23/09/2004	MT22KT01	Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	3,10	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
8	2210129	Quách Phương Anh	04/07/2004	MT22KH01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
9	2210134	Trần Dương Quốc Anh	04/03/2004	MT22KHT	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
10	2012628	Trần Lê Xuân ánh	20/12/2002	MT20KH12	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	7,28	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
11	2210183	Ngô Trường Bách	11/08/2004	MT22KT01	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,40	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
12	2210187	Trần Chính Bách	29/07/2004	MT22KH01	Bình Định	Tỉnh Đắk Lắk	3,10	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
13	2210298	Nguyễn Đình Bằng	11/12/2004	MT22KH01	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Vĩnh Long	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
14	2210200	Đặng Quốc Bảo	09/05/2004	MT22KH01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
15	2210207	Hồ Lê Viết Bảo	28/10/2004	MT22KH01	Thành phố Đà Nẵng	Tỉnh Quảng Nam	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
16	2210205	Hoàng Thanh Chí Bảo	27/09/2004	MT22KT01	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,10	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
17	2210209	Huỳnh Gia Bảo	22/01/2004	MT22KH01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
18	2210244	Nguyễn Phan Duy Bảo	04/04/2004	MT22KH01	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
19	2210251	Nguyễn Trương Thái Bảo	19/05/2004	MT22KHT	Cà Mau	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
20	2110795	Tạ Gia Bảo	06/01/2003	MT21KT01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
21	2210270	Trần Đăng Bảo	19/01/2004	MT22KH01	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
22	2210284	Trịnh Quốc Bảo	19/04/2004	MT22KT01	Thành phố Hà Nội	Tỉnh Khánh Hòa	3,50	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
23	2210318	Nguyễn Khánh Bình	16/03/2004	MT22KH01	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
24	2210371	Nguyễn Ngọc Quế Chi	24/07/2004	MT22KH01	Long An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
25	2210381	Nông Minh Chiến	06/06/2004	MT22KH01	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
26	2210387	Đặng Trần Công Chính	05/05/2004	MT22KH08	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
27	2210408	Nguyễn Ngọc Chiến Công	16/12/2004	MT22KH01	Quảng Trị	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
28	2210409	Nguyễn Sỹ Công	12/10/2004	MT22KH01	Thanh Hóa	Tỉnh Đắk Lắk	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
29	2210423	Lê Đức Cường	06/01/2004	MT22KT01	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,20	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
30	2210425	Lê Phú Cường	02/02/2004	MT22KT01	An Giang	Tỉnh An Giang	3,40	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
31	2210432	Nguyễn Đăng Cường	02/10/2004	MT22KH01	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
32	2210437	Nguyễn Văn Mạnh Cường	15/10/2004	MT22KH01	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
33	2210736	Nguyễn Hải Đăng	15/10/2004	MT22KH02	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
34	2210737	Nguyễn Huỳnh Hải Đăng	14/03/2004	MT22KH02	An Giang	Tỉnh An Giang	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
35	2210456	Nguyễn Hoàng Danh	20/03/2004	MT22KH01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
36	2210683	Lê Thành Đạt	20/07/2004	MT22KH02	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,10	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
37	2210693	Nguyễn Minh Đạt	06/06/2004	MT22KH02	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
38	2210694	Nguyễn Quốc Đạt	19/06/2004	MT22KH02	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
39	2333411	Nguyễn Thành Đạt	25/07/2002	BT21KHM	Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.49	Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
40	2210754	Quách Thanh Điền	08/04/2004	MT22KH02	Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	3,90	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
41	2210794	Nguyễn Đình Đức	07/09/2004	MT22KH02	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
42	2210796	Nguyễn Lê Anh Đức	20/04/2004	MT22KH02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
43	2210812	Trần Huy Đức	05/02/2004	MT22KH02	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
44	2210487	Nguyễn Thùy Dung	24/05/2004	MT22KH01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
45	2210569	Đỗ Tiến Dũng	31/08/2004	MT22KH02	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
46	2210573	Lê Bùi Trung Dũng	17/11/2004	MT22KH02	Quảng Ngãi	Tỉnh Bình Dương	3,90	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
47	2210583	Nguyễn Mạnh Dũng	10/06/2004	MT22KH02	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
48	2210589	Nguyễn Thành Dũng	24/07/2004	MT22KH02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
49	2210612	Mai Đăng Dương	14/04/2004	MT22KH02	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
50	2210500	Đình Lê Phúc Duy	23/03/2004	MT22KH01	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Hậu Giang	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
51	2210526	Nguyễn Phương Duy	31/01/2004	MT22KH02	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,90	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
52	2210535	Thái Thành Duy	22/07/2004	MT22KH02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
53	2210549	Vũ Đức Duy	21/11/2004	MT22KH02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
54	2210834	Võ Ninh Giang	05/09/2004	MT22KH02	An Giang	Tỉnh Tây Ninh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
55	2210845	Hồ Vũ Hoàng Hà	24/03/2004	MT22KT01	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
56	2210846	Nguyễn Ngọc Diệu Hà	23/08/2004	MT22KH02	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
57	2252189	Nguyễn Thiên Hải	09/09/2004	MT22KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
58	2210920	Nguyễn Thị Hiền Hạnh	05/03/2004	MT22KH02	Phú Yên	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
59	2210871	Quách Khải Hào	09/01/2004	MT22KH02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
60	2210961	Kiều Tâm Hậu	19/07/2004	MT22KH02	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
61	2210997	Nguyễn Lê Đức Hiếu	30/10/2004	MT22KH02	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	2,80	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
62	2211022	Vũ Minh Hiếu	28/02/2003	MT22KH02	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
63	2012500	Vũ Trung Hiếu	19/01/2002	MT20KT03	Thành phố Hải Phòng	Thành Phố Hải Phòng	6,82	TB Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
64	2211129	Hồ Thái Hòa	19/05/2004	MT22KH03	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
65	1411275	Nguyễn Văn Hoan	04/07/1996	BT14KHM	Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	6.92	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
66	2211069	Đặng Hữu Nhật Hoàng	06/01/2004	MT22KH03	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
67	1911197	Nguyễn Huy Hoàng	09/03/2001	BT19KHM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.51	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
68	2033528	Nguyễn Xuân Hoàng	14/03/1997	BT21KHLT	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	6.91	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
69	2211111	Phạm Đức Hoàng	21/01/2004	MT22KTT	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,80	Xuất Sắc	7480106	TN	Kỹ thuật Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
70	2211139	Phan Văn Hội	17/12/2002	MT22KH03	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
71	2211325	Hoàng Anh Hùng	29/04/2004	MT22KH03	Nam Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
72	2211331	Lê Thái Hùng	14/02/2004	MT22KH03	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2,80	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
73	2211337	Nguyễn Mạnh Hùng	26/01/2004	MT22KH03	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
74	1910224	Nguyễn Phi Hùng	04/02/2001	BT19KHM	Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình	7.78	Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
75	2211349	Phạm Việt Hùng	24/08/2004	MT22KT02	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	3,00	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
76	2211350	Trịnh Minh Hùng	19/04/2004	MT22KH03	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
77	2211379	Phạm Duy Hưng	16/10/2004	MT22KH03	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
78	2211378	Phan Lương Hưng	16/11/2004	MT22KH03	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
79	2211157	Đàm Đức Huy	10/02/2003	MT22KH03	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
80	2053032	Đặng Thanh Huy	10/06/2001	BT20KHM	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.92	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
81	2211161	Đặng Xuân Huy	17/10/2004	MT22KH03	An Giang	Tỉnh An Giang	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
82	2211180	Huỳnh Quốc Huy	12/02/2004	MT22KH03	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
83	2211185	Lâm Tuấn Huy	18/05/2004	MT22KH03	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
84	2211212	Nguyễn Gia Huy	14/11/2004	MT22KH03	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
85	2211219	Nguyễn Khắc Huy	19/04/2004	MT22KH03	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
86	2211235	Nguyễn Quang Huy	30/05/2004	MT22KHT	Kon Tum	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
87	2211253	Nguyễn Tuấn Huy	28/12/2004	MT22KHT	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
88	2211254	Nguyễn Văn Nhật Huy	29/03/2004	MT22KHT	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
89	2252260	Phạm Lê Huy	02/08/2004	MT22KH08	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
90	2211271	Sam Gia Huy	12/09/2004	MT22KH03	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
91	2252266	Trần Nhật Huy	30/03/2004	MT22KH08	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
92	2211294	Trương Tấn Huy	22/04/2004	MT22KT02	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,20	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
93	2211298	Võ Hoàng Huy	08/01/2004	MT22KHT	Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
94	2211314	Mai Hoàng Huỳnh	02/02/2004	MT22KH03	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
95	2211562	Vương Quang Khải	18/02/2004	MT22KH04	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
96	2152626	Bùi Trần Minh Khang	07/01/2003	BT21KHM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.84	Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
97	2211430	Lê Duy Khang	12/01/2004	MT22KH03	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
98	2211437	Lý Nguyên Khang	31/03/2004	MT22KH03	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
99	2211441	Nguyễn An Khang	07/01/2004	MT22KH03	Gia Lai	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
100	2211452	Nguyễn Minh Khang	13/12/2004	MT22KH03	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
101	2211491	Nguyễn Tuấn Khanh	24/08/2004	MT22KH03	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
102	2211509	Lê Bá Khánh	12/08/2004	MT22KH03	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
103	2211570	Nguyễn Công Khiêm	05/10/2004	MT22KTT	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480106	TN	Kỹ thuật Máy tính	
104	2211573	Nguyễn Phúc Gia Khiêm	20/09/2004	MT22KHT	Cà Mau	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
105	2211589	Huỳnh Bùi Ngọc Khoa	07/05/2004	MT22KT02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
106	2211594	Lê Anh Khoa	17/02/2004	MT22KH04	Bình Thuận	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
107	2211595	Lê Anh Khoa	15/02/2004	MT22KHT	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
108	2211606	Lê Võ Đăng Khoa	20/10/2004	MT22KH04	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
109	2211612	Nguyễn Anh Khoa	08/07/2004	MT22KH04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
110	2211627	Nguyễn Minh Khoa	15/11/2004	MT22KH04	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
111	2211632	Nguyễn Tiến Khoa	27/01/2004	MT22KHT	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	4,00	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
112	2211644	Trần Anh Khoa	19/06/2004	MT22KH04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
113	2211651	Trần Nguyễn Anh Khoa	11/04/2004	MT22KH04	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,90	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
114	2211672	Dương Hoàng Khôi	08/02/2004	MT22KH04	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
115	2211694	Trần Anh Khôi	20/03/2004	MT22KH04	Trà Vinh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
116	2113806	Thái Anh Khương	09/07/2003	MT21KT04	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	2,70	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
117	2211721	Lê Hữu Kiên	21/05/2004	MT22KH04	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
118	2211724	Nguyễn Đỗ Trung Kiên	12/03/2004	MT22KHT	Lâm Đồng	Tỉnh Bình Dương	3,80	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
119	2211729	Nguyễn Trung Kiên	13/02/2004	MT22KH04	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
120	2211738	Trần Trung Kiên	04/09/2004	MT22KH04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
121	2211765	Nguyễn Tuấn Kiệt	16/07/2004	MT22KH04	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
122	2211771	Phan Tuấn Kiệt	17/01/2004	MT22KH04	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
123	2151217	Nguyễn Viết Kỳ	14/07/2003	BT21KHM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.33	Trung bình	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
124	2211807	Dương Hải Lâm	01/01/2004	MT22KH04	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,90	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
125	2211795	Nguyễn Anh Lâm	26/06/2004	MT22KH08	Hưng Yên	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
126	2211818	Phan Phúc Lâm	22/03/2004	MT22KH04	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
127	2211821	Trần Lâm	03/06/2004	MT22KH04	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
128	2211830	Lưu Chí Lập	01/06/2004	MT22KH04	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
129	2211853	Mã Hoàng Linh	13/09/2004	MT22KH04	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,10	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
130	2113915	Nguyễn Tất Linh	06/09/2002	MT21KH09	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
131	2211917	Huỳnh Phát Lộc	28/12/2004	MT22KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
132	2211927	Nguyễn Khánh Lộc	03/01/2004	MT22KH05	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
133	2211874	Hàng Nhật Long	20/11/2004	MT22KH04	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
134	2211878	Hồ Quang Long	10/04/2004	MT22KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
135	2211876	Hoàng Văn Long	13/07/2004	MT22KH05	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
136	2211894	Phạm Ngọc Long	27/06/2004	MT22KHT	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
137	2111682	Trần Ngọc Châu Long	23/06/2004	MT21KH08	Long An	Tỉnh Long An	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
138	2211911	Võ Tá Bảo Long	19/03/2004	MT22KH08	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
139	2211949	Ngô Đức Luân	15/10/2004	MT22KT02	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,80	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
140	2211960	Phạm Gia Lương	15/03/2004	MT22KT02	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
141	2211991	Âu Nguyễn Hùng Mạnh	15/03/2004	MT22KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
142	2212036	Huỳnh Ngọc Minh	07/09/2004	MT22KH05	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
143	2212051	Lữ Xuân Minh	03/03/2004	MT22KH05	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
144	2212088	Trương Bình Minh	03/07/2004	MT22KHT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
145	2212104	Nguyễn Ngọc Hà My	25/11/2004	MT22KT02	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
146	2212135	Ngô Kỳ Nam	04/09/2004	MT22KHT	Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	3,80	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
147	2212142	Nguyễn Hoàng Nam	22/11/2004	MT22KH05	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
148	2212168	Nguyễn Thị Thúy Nga	08/03/2004	MT22KT03	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,50	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
149	2212243	Trương Quang Nghĩa	24/01/2004	MT22KH05	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
150	2212213	Lê Vĩnh Nghiệp	08/11/2004	MT22KH05	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
151	2212257	Huỳnh Bảo Ngọc	03/07/2004	MT22KH05	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
152	2212287	Hà Khởi Nguyên	09/04/2004	MT22KH05	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
153	2212294	Lê Hải Nguyên	19/09/2004	MT22KT03	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Tiền Giang	2,90	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
154	2212303	Nguyễn Gia Nguyên	02/09/2004	MT22KH05	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
155	2212311	Nguyễn Phương Nguyên	06/07/2004	MT22KT03	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,30	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
156	2212318	Phan Đình Khởi Nguyên	19/12/2004	MT22KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
157	2212364	Nguyễn Thanh Nhân	26/09/2004	MT22KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
158	2212370	Nguyễn Trọng Nhân	03/05/2004	MT22KH08	An Giang	Tỉnh An Giang	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
159	2212383	Trần Thế Nhân	31/10/2004	MT22KH05	An Giang	Tỉnh An Giang	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
160	2212387	Đặng Minh Nhật	04/07/2004	MT22KH05	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,50	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
161	2212412	Trần Phước Nhật	08/10/2004	MT22KH05	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,80	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
162	2212416	Bùi Phạm Tuyết Nhi	19/10/2004	MT22KH05	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
163	2212432	Lê Nguyễn Yến Nhi	08/02/2004	MT22KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
164	1914584	Huỳnh Tấn Phát	07/09/2001	BT19KHM	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	6.57	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
165	2212527	Nguyễn Tiến Phát	02/09/2004	MT22KH05	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
166	2212540	Võ Nguyễn Đức Phát	02/07/2004	MT22KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
167	2212564	Phạm Thanh Phong	28/08/2004	MT22KH06	Đồng Nai	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
168	2333448	Mạch Văn Phú	29/03/1999	BT21KHM	Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8.74	Xuất Sắc	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
169	2212592	Nguyễn Trung Phú	25/05/2004	MT22KH06	Quảng Ngãi	Tỉnh Bình Dương	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
170	2212607	Dương Hồ Hoàng Phúc	03/08/2004	MT22KH06	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
171	2212629	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	12/12/2004	MT22KH06	Vĩnh Long	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
172	2212631	Nguyễn Ngọc Châu Phúc	10/06/2004	MT22KH06	Tiền Giang	Tỉnh Bến Tre	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
173	2212651	Trần Hồng Phúc	29/06/2004	MT22KH06	Tiền Giang	Tỉnh Bình Dương	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
174	2212656	Trần Thanh Phúc	17/09/2004	MT22KH06	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
175	2212720	Phan Nguyễn Hữu Phước	10/01/2004	MT22KH06	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
176	2114485	Võ Mai Phương	26/12/2003	MT21KH11	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,80	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
177	2212779	Đỗ Hoàng Quân	11/11/2004	MT22KH01	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bình Dương	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
178	2212781	Đỗ Minh Quân	04/08/2004	MT22KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
179	1952941	Hồ Mạnh Quân	18/12/2000	BT20KHM	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.71	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
180	2014262	Hoàng Nhật Quân	08/08/2002	MT20KT04	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,30	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
181	2212801	Nguyễn Minh Quân	16/10/2004	MT22KH06	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
182	2212804	Nguyễn Minh Quân	25/07/2004	MT22KH08	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
183	2212811	Phạm Nguyễn Anh Quân	30/06/2004	MT22KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
184	2212822	Trần Minh Quân	04/11/2004	MT22KH06	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
185	2212825	Từ Văn Nguyễn Anh Quân	22/01/2004	MT22KH06	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
186	2212826	Võ Minh Quân	14/01/2004	MT22KT03	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,30	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
187	2212737	Lý Thanh Nhật Quang	30/05/2004	MT22KH06	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
188	2212741	Nguyễn Bá Việt Quang	21/08/2004	MT22KH06	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
189	2212760	Trần Vĩ Quang	13/01/2004	MT22KH06	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
190	2212761	Võ Huy Quang	25/04/2004	MT22KT03	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,50	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
191	2212767	Trần Hải Thảo Quảng	06/11/2004	MT22KT03	Đồng Nai	Tỉnh Quảng Ngãi	3,30	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
192	2212870	Nguyễn Ngọc Quý	26/06/2004	MT22KH06	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
193	2212871	Nguyễn Phú Quý	28/06/2004	MT22KT03	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	2,80	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
194	2212878	Bùi Ngọc Diễm Quỳnh	14/09/2004	MT22KH06	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
195	2212880	Đặng Thị Quỳnh	28/03/2004	MT22KH06	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
196	2212922	Nguyễn Quang Sáng	26/09/2004	MT22KH06	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
197	2212935	Đoàn Ngọc Hoàng Sơn	29/03/2004	MT22KH06	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
198	2212941	Ngô Trí Sơn	17/01/2004	MT22KT03	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	3,30	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
199	2212985	Nguyễn Hiệp Tài	15/05/2004	MT22KH06	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
200	2213009	Chu Minh Tâm	13/08/2004	MT22KH06	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
201	2213013	Huỳnh Thị Minh Tâm	03/04/2004	MT22KH06	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
202	2213026	Nguyễn Đoàn Minh Tâm	11/08/2004	MT22KH07	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Đồng Tháp	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
203	2213045	Trương Thành Tâm	26/09/2004	MT22KT03	Đắk Nông	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
204	2213046	Võ Thanh Tâm	24/07/2004	MT22KHT	Phú Yên	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
205	2213059	Nguyễn Nhật Tân	01/01/2004	MT22KH07	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
206	2213061	Nguyễn Thanh Tân	20/02/2004	MT22KH07	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
207	2213063	Nguyễn Trung Tân	24/09/2003	MT22KT03	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,00	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
208	2213114	Phạm Quốc Thái	13/08/2004	MT22KH07	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
209	2213187	Hồ Gia Thắng	26/11/2004	MT22KH07	Thành phố Đà Nẵng	Tỉnh Quảng Ngãi	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
210	2213188	Hồ Sỹ Thắng	05/10/2004	MT22KH07	Quảng Trị	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
211	2213200	Nguyễn Hữu Thắng	13/02/2004	MT22KH07	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
212	2213129	Lê Tiến Thành	03/06/2004	MT22KH07	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
213	2213140	Nguyễn Thịnh Thành	25/09/2004	MT22KT04	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,70	Xuất Sắc	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
214	2213250	Lê Ngọc Thiện	01/03/2004	MT22KH07	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
215	2213291	Nguyễn Hữu Huy Thịnh	15/09/2004	MT22KH07	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
216	2213298	Nguyễn Trường Thịnh	10/10/2004	MT22KH07	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,30	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
217	2213308	Thái Trí Thịnh	04/09/2004	MT22KH07	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
218	2213313	Trương Quang Thịnh	21/09/2004	MT22KH07	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	3,10	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
219	2213316	Lê Văn Thoại	10/02/2004	MT22KH07	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
220	2213338	Lê Trường Thống	17/05/2004	MT22KH07	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
221	2320015	Đặng Nguyễn Minh Thư	07/12/1999	B221KHM	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7480101	B2	Khoa học Máy tính	
222	2213412	Trịnh Thị Anh Thư	18/08/2004	MT22KH07	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
223	2213349	Phạm Như Thuận	05/01/2004	MT22KH07	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
224	2213357	Nguyễn Kim Thuận	26/10/2004	MT22KT04	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
225	2213428	Nguyễn Đặng Thúc	26/03/2004	MT22KT04	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,40	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
226	2033766	Trần Đăng Tiến	16/10/1996	BT21KHLT	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6.93	TB Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
227	2213500	Nguyễn Trung Tín	19/08/2004	MT22KH07	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
228	2213506	Tạ Trung Tín	25/10/2004	MT22KHT	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,90	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
229	2213526	Lê Đức Toàn	30/08/2004	MT22KH07	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
230	2213659	Thái Sinh Trí	10/08/2004	MT22KH08	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,70	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
231	1953061	Trần Xuân Trúc	21/01/2001	BT20KHM	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.04	Khá	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
232	2213682	Hà Chí Trung	28/10/2004	MT22KT04	Gia Lai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
233	2213689	Lê Nhân Trung	31/01/2004	MT22KH08	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
234	2014882	Nguyễn Hải Trung	31/01/2002	MT20KT06	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	6,43	TB Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
235	2213707	Nông Văn Trung	02/02/2004	MT22KT04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
236	2213732	Cao Nguyễn Văn Trường	18/03/2004	MT22KH08	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
237	2213746	Nguyễn Trọng Trường	03/01/2004	MT22KH08	Đắk Lắk	Tỉnh Bình Dương	2,50	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
238	2213848	Nguyễn Minh Tú	18/11/2004	MT22KH08	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
239	2213765	Đặng Minh Tuấn	03/07/2004	MT22KH08	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
240	2213768	Hồ Ngọc Anh Tuấn	13/01/2004	MT22KT04	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
241	2014943	Nguyễn Anh Tuấn	22/08/2002	MT20KT05	Thừa Thiên -Huế	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,85	TB Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
242	2213785	Nguyễn Hữu Tuấn	03/09/2004	MT22KH08	Quảng Nam	Thành Phố Đà Nẵng	3,50	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
243	2112585	Nguyễn Quốc Tuấn	09/05/2003	MT21KH05	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
244	2233223	Nguyễn Thanh Tuấn	27/03/2000	BT22KHL2	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	8.21	Giỏi	7480101	VLVH	Khoa học Máy tính	
245	2213807	Trần Mạnh Tuấn	12/07/2004	MT22KH08	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
246	2112592	Lâm Nguyễn Quang Tuệ	19/11/2003	MT21KH07	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
247	2213860	Bùi Thanh Tùng	09/11/2004	MT22KH08	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
248	2112711	Nguyễn Thanh Tùng	27/09/2003	MT21KT03	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,30	Trung bình	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
249	2213836	Lê Thanh Tuyền	06/02/2004	MT22KH08	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
250	2213921	Đỗ Thị Thủy Vân	18/03/2004	MT22KH08	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,90	Khá	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
251	2213915	Bùi Trọng Văn	24/05/2004	MT22KHT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7480101	TN	Khoa học Máy tính	
252	2252903	Lê Hoàng Việt	02/07/2004	MT22KT04	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7480106	DH	Kỹ thuật Máy tính	
253	2213963	Lê Hoàng Khánh Vinh	01/12/2004	MT22KH08	Thành phố Đà Nẵng	Thành Phố Đà Nẵng	3,80	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
254	2213995	Mã Trường Vũ	18/01/2004	MT22KH08	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,60	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
255	2213997	Nguyễn Duy Vũ	14/06/2004	MT22KH08	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,70	Xuất Sắc	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
256	2214061	Trần Ngọc Lâm Vỹ	14/10/2004	MT22KH08	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,20	Giỏi	7480101	DH	Khoa học Máy tính	
Khoa Quản lý Công nghiệp												
1	2210013	Lê Như An	18/08/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
2	2210015	Lê Thụy Thúy An	18/06/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
3	2210035	Thái Văn An	02/01/2004	CK22LQC	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
4	2210042	Võ Trần Quỳnh An	09/03/2004	QL22QCN	Cà Mau	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
5	2210058	Hồ Thị Kim Anh	13/07/2004	CK22LQC	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
6	2210071	Lê Thị Minh Anh	18/10/2004	QL22QCN	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
7	2210082	Nguyễn Hoài Phương Anh	09/09/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
8	2210090	Nguyễn Ngọc Anh	16/01/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
9	2210094	Nguyễn Ngọc Vân Anh	09/11/2004	QL22QCN	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
10	2210104	Nguyễn Trần Kỳ Anh	15/10/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
11	2210146	Trịnh Hoàng Lan Anh	20/08/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
12	2210356	Nguyễn Huỳnh Bảo Châu	07/11/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
13	2210365	Võ Thị Tú Châu	05/11/2004	QL22QCV	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
14	2210638	Nguyễn Thị Ngọc Đào	14/04/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
15	2210720	Trần Minh Đạt	28/05/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
16	2210781	Phạm Văn Độ	04/04/2004	QL22QCV	Bắc Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
17	2210492	Trần Hoàng Tổ Dung	21/09/2004	CK22KTH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
18	2210587	Nguyễn Tấn Dũng	24/12/2004	QL22QCN	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
19	2210619	Nguyễn Thùy Dương	24/06/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
20	2210629	Trần Vũ Thùy Dương	13/03/2004	CK22LQC	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
21	2210515	Nguyễn Khánh Duy	04/06/2004	QL22QCV	An Giang	Tỉnh An Giang	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
22	2210554	Nguyễn Ngọc Thiên Duyên	24/11/2004	CK22KTH	Quảng Trị	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
23	1935010	Nguyễn Trường Giang	11/10/1997	BT19KTH	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	6.88	TB Khá	7520118	VLVH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
24	2210942	Nguyễn Ngọc Hân	12/08/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
25	2210949	Phạm Lê Gia Hân	04/10/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
26	2210924	Lê Thị Diễm Hằng	11/02/2004	QL22QCN	Khánh Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
27	2210926	NguyễnNguyễnNguyễn Hằng	20/05/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
28	2210921	Trịnh Hồng Hạnh	06/04/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
29	2210954	Bùi Đức Hậu	28/02/2004	CK22LQC	An Giang	Thành Phố Cần Thơ	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
30	2210967	Nguyễn Thị Hậu	16/12/2004	QL22QCV	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
31	2210975	Nguyễn Duy Hiến	15/12/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
32	2211025	Lê Thị Ngọc Hiền	05/07/2004	QL22QCV	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,50	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
33	2210994	Ngô Tấn Hiếu	20/01/2004	QL22QCV	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
34	2211055	Phùng Thế Hoan	15/07/2004	CK22LQC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
35	2211083	Ngô Quang Huy Hoàng	22/03/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
36	2211114	Phạm Nguyệt Minh Hoàng	19/07/2004	QL22QCN	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,80	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
37	2211324	Đới Sỹ Hùng	21/12/2004	CK22LQC	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
38	2211377	Ngũ Thế Hưng	21/03/2004	CK22LQC	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,40	Trung bình	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
39	2211373	Nguyễn Thành Hưng	03/02/2004	CK22LQC	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
40	2211394	Đào Xuân Hương	21/04/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
41	2211266	Phạm Khắc Huy	15/06/2004	CK22LQC	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
42	2211309	Lê Thảo Huyền	03/07/2003	QL22QCN	Trà Vinh	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
43	2211313	Võ Nguyễn Như Huyền	05/01/2004	QL22QCN	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
44	2113663	Lý Hoàng Khang	26/10/2003	CK21HT1	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	3,60	Xuất Sắc	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
45	2211443	Nguyễn Duy Khang	04/12/2004	CK22LQC	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	3,90	Xuất Sắc	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
46	2211451	Nguyễn Mạnh Khang	09/02/2004	CK22LQC	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
47	2211489	Nguyễn Phi Khanh	10/06/2004	CK22LQC	Bến Tre	Tỉnh Tiền Giang	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
48	2211511	Lê Kim Khánh	25/05/2004	CK22KTH	Bến Tre	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
49	2211515	Lê Văn Khánh	01/08/2004	CK22LQC	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bình Dương	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
50	2211529	Nguyễn Trường Khánh	18/02/2004	CK22KTH	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
51	2211597	Lê Anh Khoa	14/03/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
52	2211780	Trương Vĩnh Kiệt	29/12/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
53	2211781	Đinh Hoàng Thiên Kim	08/03/2004	QL22QCV	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,80	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
54	2211802	Vũ Thị Ngọc Lan	14/08/2004	QL22QCV	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
55	2211842	Đặng Nguyễn Phương Linh	09/03/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
56	2211840	Dương Mỹ Linh	17/05/2004	CK22KTH	Lâm Đồng	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
57	2211866	Trần Thị Ngọc Linh	11/12/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
58	2211868	Lê Phương Hồng Loan	07/07/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
59	2211869	Trần Bích Loan	22/07/2004	CK22LQC	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
60	2211962	Trần Thị Thu Lương	20/08/2004	QL22QKD	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	3,00	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
61	2211968	Đỗ Thị Trúc Ly	27/12/2004	QL22QCN	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
62	2211971	Nguyễn Thị Bích Ly	09/10/2004	CK22LQC	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,60	Xuất Sắc	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
63	2212164	Võ Hải Nam	01/01/2004	QL22QCN	An Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
64	2212170	Trần Thúy Nga	19/08/2004	QL22QCN	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3,10	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
65	2212180	Ngô Tuyết Ngân	10/03/2004	QL22QCN	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
66	2212198	Võ Ngọc Kim Ngân	26/04/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,50	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
67	2114180	Nguyễn Hữu Nghĩa	28/09/2003	QL21QKD	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,90	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
68	2212269	Nguyễn Trương Hồng Ngọc	15/04/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
69	2212273	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	21/08/2004	QL22QCN	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3,10	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
70	2212329	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	01/08/2004	QL22QCN	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
71	2212360	Nguyễn Anh Nhân	17/06/2004	QL22QCN	Quảng Nam	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
72	2212414	BùiNguyễnThịNguyệt Nhi	13/12/2004	CK22LQC	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,40	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
73	2212418	Dương Đặng Phương Nhi	12/08/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
74	2212423	Huỳnh Phạm Phương Nhi	25/02/2004	QL22QCN	Kiên Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,90	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
75	2212425	Huỳnh Phương Nhi	10/11/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
76	2212445	Phạm Ngọc Thanh Nhi	22/08/2004	CK22LQC	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
77	2212444	Phan Hồng Bảo Nhi	28/03/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
78	2212448	Trần Lý Kim Nhi	04/12/2004	QL22QCN	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
79	2212453	Đỗ Thị Kim Nhơn	21/06/2004	QL22QCN	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
80	2212459	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	08/01/2004	CK22KTH	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
81	2212462	Phạm Thị Mỹ Nhung	18/08/2004	QL22QCV	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
82	2212519	Nguyễn Hồng Phát	02/01/2004	CK22KTH	Long An	Tỉnh Bình Dương	3,60	Xuất Sắc	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
83	2212525	Nguyễn Thành Phát	10/07/2004	CK22LQC	Lâm Đồng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
84	2212559	Nguyễn Nhật Phong	09/12/2004	CK22LQC	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
85	2212591	Nguyễn Tất Phú	07/02/2004	QL22QCN	An Giang	Tỉnh An Giang	4,00	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
86	2212606	Bùi Tấn Phúc	29/01/2004	CK22LQC	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	3,70	Xuất Sắc	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
87	2212667	Nguyễn Kim Phụng	15/05/2003	QL22QKD	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
88	2212676	Đặng Thụy Như Phương	10/11/2004	QL22QCV	Tây Ninh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
89	2212685	Lê Nguyễn Uyên Phương	31/03/2004	CK22LQC	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
90	2212707	Trịnh Mỹ Phương	25/03/2004	QL22QCN	Sóc Trăng	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
91	2212722	Diệp Trương Minh Phương	19/05/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
92	2212724	Đỗ Thanh Quân	20/03/2004	QL22QCN	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,90	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
93	2212784	Đỗ Trần Hoàng Quân	06/01/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
94	2212786	Hoàng Đức Quân	30/08/2004	CK22KTH	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
95	2212735	Lê Việt Quang	08/10/2004	CK22LQC	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,40	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
96	2212847	Lê Thị Ngọc Quỳn	13/05/2004	CK22HCT	Quảng Nam	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520118	TN	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
97	2212881	Đinh Thị Diễm Quỳn	03/02/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
98	2212883	Hồ Như Quỳn	04/02/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
99	2212884	Huỳnh Thị Như Quỳn	11/04/2004	QL22QCV	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
100	2212888	Ngô Nguyễn Thị Đan Quỳn	13/12/2004	CK22HCT	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,40	Giỏi	7520118	TN	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
101	2212914	Phạm Xuân Sang	09/02/2004	QL22QKD	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,10	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
102	2213031	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	15/05/2004	QL22QCV	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
103	2213044	Trần Vũ Khánh Tâm	07/12/2004	QL22QKD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
104	2114822	Bùi Hữu Thắng	26/03/2003	QL21QKD	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	2,80	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
105	2213201	Nguyễn Hữu Thắng	29/09/2004	CK22LQC	Phú Yên	Tỉnh Bình Dương	3,00	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
106	2213211	Trần Văn Thắng	23/07/2004	CK22KTH	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
107	2213088	Lưu Thị Hồng Thanh	27/07/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
108	2213136	Nguyễn Lâm Thành	13/01/2004	CK22LQC	Ninh Thuận	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
109	2213155	Đặng Ngọc Thảo	19/01/2004	CK22LQC	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
110	2213159	Lê Nguyễn Linh Thảo	25/01/2004	QL22QCN	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
111	2213161	Lê Thị Thu Thảo	22/11/2004	CK22LQC	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,20	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
112	2213165	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	15/01/2004	QL22QCN	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
113	2213260	Nguyễn Tổng Đăng Thiện	20/02/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
114	2213304	Phan Ngô Quang Thịnh	24/04/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
115	2213341	Nguyễn Đàm Như Thơ	05/09/2004	QL22QKD	Phú Yên	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
116	2213346	Bùi Nguyễn Kim Thư	18/02/2004	CK22LQC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,20	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
117	2213391	Lê Ngọc Minh Thư	16/01/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
118	2213360	Nguyễn Quang Thuận	08/02/1998	CK22HCT	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	3,40	Giỏi	7520118	TN	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
119	2213374	Nguyễn Thanh Thúy	22/07/2004	CK22KTH	Quảng Ngãi	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
120	2213384	Nguyễn Thị Xuân Thủy	24/07/2004	CK22LQC	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
121	2213431	Hồ Liễu Thy	27/12/2004	CK22KTH	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	3,50	Giỏi	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
122	2213441	Phan Thị Thủy Tiên	06/02/2004	CK22KTH	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,80	Xuất Sắc	7520118	DH	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	
123	2213563	Trần Phạm Thu Trà	07/06/2004	QL22QCN	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
124	2213592	Nguyễn Thị Diệp Trần	29/08/2004	CK22LQC	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
125	2213595	Phạm Mỹ Trân	27/07/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
126	2213601	Trần Ngọc Huyền Trân	20/10/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
127	2213602	Võ Ngọc Bảo Trân	03/02/2004	CK22LQC	Bình Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
128	2213553	Nguyễn Thị Trang	05/09/2004	QL22QCN	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
129	2213621	Lê Thị Cẩm Trinh	28/11/2004	QL22QCN	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
130	2213845	Nguyễn Tú	21/05/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
131	2213793	Nguyễn Thành Tuấn	27/02/2004	QL22QCN	Bình Dương	Tỉnh Đồng Nai	2,90	Khá	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
132	2213822	Nguyễn Vũ Tuyên	28/08/2004	CK22LQC	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
133	2213831	Nguyễn Trường Tuyền	02/12/2004	QL22QCN	Long An	Tỉnh Long An	3,50	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
134	2213908	Trần Gia Uyên	29/07/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
135	2213911	Trần Nguyễn Thanh Uyên	02/01/2004	QL22QCV	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
136	2213912	Trịnh Nguyễn Tú Uyên	19/05/2004	QL22QCN	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
137	2213923	Huỳnh Thúy Vân	31/12/2004	CK22LQC	Ninh Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
138	2213926	Võ Trần Thị Mỹ Vân	05/04/2004	CK22LQC	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,30	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
139	2151277	Lê Thành Vinh	09/12/2003	QL21QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
140	2214022	Đào Khánh Vy	29/05/2004	CK22LQC	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7510605	DH	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	
141	2214063	Đào Ngọc Đông Xuân	20/01/2004	QL22QCN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,70	Xuất Sắc	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
142	2214071	Mai Thị Mỹ Xuyên	16/04/2004	QL22QCN	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7510601	DH	Quản lý Công nghiệp	
Chương trình Tiên tiến												
1	2251011	Nguyễn Đức Minh Đăng	27/02/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
2	2251005	Võ Xuân Diệu	01/01/2004	TT22COA1	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3,60	Xuất Sắc	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
3	2051095	Huỳnh Phạm Anh Duy	11/05/2002	TT22HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,10	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
4	2051040	Nguyễn Huy Hoàng	23/04/2002	TT22COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,40	Trung bình	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
5	2211208	Nguyễn Đình Huy	18/07/2004	TT22HSA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
6	1951145	Trần Đình Huy	23/06/2001	TT20COA1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	6,33	TB Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
7	2211308	Lê Ngọc Huyền	16/11/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
8	2251019	Đặng Lê Chí Khang	29/07/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
9	2211442	Nguyễn Bảo Khang	05/12/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
10	2151215	Đào Nguyên Khởi	01/08/2003	TT22HSA1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	2,90	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
11	2153482	Phạm Đăng Khởi	30/01/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
12	2251028	Huỳnh Hữu Lộc	04/10/2004	TT22COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,10	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
13	2251029	Bùi Trọng Minh	03/03/2004	TT22HSA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,40	Trung bình	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
14	2251030	Nguyễn Hùng Minh	28/08/2004	TT22HSA1	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,90	Xuất Sắc	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
15	2251031	Nguyễn Trần Trúc Minh	02/11/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,90	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
16	2151230	Trần Quang Minh	13/11/2003	TT21HSA2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
17	2251032	Bùi Đình Trung Nam	28/07/2004	TT22HSA1	Quảng Ngãi	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
18	2251035	Huỳnh Chính Nghị	31/12/2004	TT22COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,00	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
19	2251036	Nguyễn Duy Ngọc	13/10/2004	TT22HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
20	2251037	Nguyễn Trí Ngọc	14/01/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
21	2251039	Nguyễn Hữu Đại Nhân	07/12/2004	TT22HSA2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
22	2251041	Đặng Bảo Như	29/09/2004	TT22COA2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
23	2251042	Trần Đức Phong	05/10/2004	TT22HSA2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
24	2251043	Nguyễn Đăng Quang	02/08/2004	TT22HSA2	Bến Tre	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
25	2251045	Nguyễn Cường Quốc	23/05/2004	TT22HSA1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,60	Xuất Sắc	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
26	2251046	Lê Phạm Như Quỳnh	09/12/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
27	2251048	Hà Quang Thành	19/05/2004	TT22COA1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
28	2151143	Nguyễn Hà Phong Thịnh	10/06/2003	TT22HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,40	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
29	2251050	Nguyễn Lê Xuân Thịnh	07/01/2004	TT22COA2	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
30	2251052	Lã Mạnh Tiến	15/12/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,50	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
31	2151265	Trần Trung Toàn	24/04/2003	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
32	2251059	Nguyễn Long Vũ	26/02/2004	TT22COA1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520201	TT	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
Khoa Khoa học Ứng dụng												
1	2210653	Diệp Nhất Đạt	02/08/2004	KU22CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520101	DH	Cơ Kỹ thuật	
2	2210938	Nguyễn Hồng Bảo Hân	04/07/2004	KU22VLY1	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,00	Khá	7520401	DH	Vật lý Kỹ thuật	
3	2153366	Vũ Nguyên Hoàng	25/09/2003	KU21CKT1	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	2,60	Khá	7520101	DH	Cơ Kỹ thuật	
4	2211216	Nguyễn Hoàng Huy	03/07/2004	KU22VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520401	DH	Vật lý Kỹ thuật	
5	2153552	Vũ Hoàng Minh Luân	30/04/2003	KU21VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7520401	DH	Vật lý Kỹ thuật	
6	1813064	Đoàn Khải Minh	30/01/2000	BT18CKT	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.74	TB Khá	7520101	VLVH	Cơ kỹ thuật	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
7	2212394	Mai Trần Phúc Nhật	29/10/2004	KU22VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,30	Giỏi	7520401	DH	Vật lý Kỹ thuật	
8	2153788	Hoàng Quốc Thái	02/11/2003	KU21CKT1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Kiên Giang	3,10	Khá	7520101	DH	Cơ Kỹ thuật	
9	1915190	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/08/2000	BT19VLY	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6,84	TB Khá	7520401	VLVH	Vật lý Kỹ thuật	
10	2014954	Phan Anh Tuấn	13/01/2002	KU20CKT1	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	7,19	Khá	7520101	DH	Cơ Kỹ thuật	
11	2333472	Vũ Phan Anh Tuấn	03/12/1993	BT21VLY	Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,87	Xuất Sắc	7520401	VLVH	Vật lý Kỹ thuật	
12	2213903	Lê Mỹ Uyên	10/08/2004	KU22VLY1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,30	Giỏi	7520401	DH	Vật lý Kỹ thuật	
13	2214045	Nguyễn Tường Vy	12/11/2004	KU22CKT1	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,10	Khá	7520101	DH	Cơ Kỹ thuật	
Khoa Công nghệ Vật liệu												
1	2112838	Nguyễn Thiện Ân	01/05/2003	VL21VKH	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,10	Trung bình	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
2	1710729	Phạm Duy Cường	12/11/1999	BT17VLSI	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,49	TB Khá	7520309	VLVH	Kỹ thuật Vật liệu	
3	2113789	Đoàn Triệu Đình Khôi	26/02/2003	VL21VPO	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,40	Trung bình	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
4	2212208	Lý Ngọc Hoa Nghiêm	29/12/2004	VL2201	An Giang	Tỉnh An Giang	2,90	Khá	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
5	2212251	Dương Thị Hồng Ngọc	21/09/2004	VL2202	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	3,30	Giỏi	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
6	1813300	Trần Văn Nguyên	26/07/2000	BT18VLKL	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	7,00	Khá	7520309	VLVH	Kỹ thuật Vật liệu	
7	2114533	Đoàn Minh Quân	08/09/2003	VL21VPO	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
8	2213107	Ngô Quốc Thái	10/09/2004	VL2202	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
9	2213829	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	25/01/2004	VL2202	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	2,90	Khá	7520309	DH	Kỹ thuật Vật liệu	
Chương trình Việt - Pháp (PFIEV)												
1	2152415	Huỳnh Gia Bảo	05/11/2003	VP21HK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,90	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
2	2153216	Võ Gia Bảo	11/01/2003	VP21HK	Bình Phước	Tỉnh Bình Dương	3,20	Giỏi	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
3	2111002	Lâm Thành Đạt	20/09/2003	VP21VT	Kiên Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7520201	VP	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
4	2111108	Trần Thị Hương Giang	15/05/2003	VP21PO	Long An	Tỉnh Long An	3,40	Giỏi	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
5	2113445	Nguyễn Hữu Hợp	12/11/2003	VP21PO	Quảng Trị	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
6	2113535	Phạm Tấn Huy	25/04/2003	VP21PO	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	3,20	Giỏi	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
7	2111425	Dương Tông Hy	19/10/2003	VP21XDC	Quảng Nam	Tỉnh Bình Định	3,50	Giỏi	7580201	VP	Kỹ thuật Xây dựng (Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp và Hiệu quả Năng lượng)	
8	1911635	Đặng Đình Nam	01/04/2001	VP19VT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,45	TB Khá	7520201	VP	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
9	2111873	Nguyễn Đăng Tâm Nguyên	03/03/2003	VP21HK	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
10	2010466	Phan Nguyễn Khôi Nguyên	14/04/2002	VP20VT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,45	Khá	7520201	VP	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
11	2012521	Nguyễn Bá Hoàng Nhân	14/04/2002	VP20HK	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	7,16	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
12	2111920	Mai Nguyễn Minh Nhật	26/05/2003	VP21HK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
13	2111936	Đỗ Hữu Hà Nhi	01/10/2003	VP21XDC	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	3,30	Giỏi	7580201	VP	Kỹ thuật Xây dựng (Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp và Hiệu quả Năng lượng)	
14	2111941	Nguyễn Huỳnh Long Nhi	20/04/2003	VP21VT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,80	Xuất Sắc	7520201	VP	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
15	2152883	Nguyễn Trọng Phúc	17/07/2003	VP21CDT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ điện tử)	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
16	2014453	Lưu Nhật Tân	24/06/2002	VP20PO	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,50	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
17	2153027	Tôn Nữ Minh Thu	31/01/2003	VP21HK	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
18	2112467	Nguyễn Huỳnh Uyên Trang	17/07/2003	VP21HK	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Vĩnh Long	3,00	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
19	2115076	Trần Ngọc Thùy Trinh	01/05/2003	VP21HK	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,00	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	
20	2213737	Lê Trần Thiên Trường	17/04/2004	VP22PO	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Vật liệu Polymer và Composite)	
21	2052796	Nguyễn Đức Vinh	04/01/2002	VP20CDT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,57	Khá	7520103	VP	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ điện tử)	
Khoa Kỹ thuật Xây dựng												
1	2112810	Tô Quang Anh	16/05/2003	XD21CB1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,60	Khá	7580203	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
2	2210136	Trần Huỳnh Anh	30/12/2004	XD22XDC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,40	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
3	2210330	Phan Nguyễn Trọng Bình	04/09/2004	XD22XDC1	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	2,50	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
4	2012766	Nguyễn Hữu Cường	16/12/2002	XD20CD1	Quảng Trị	Tỉnh Bình Dương	6,67	TB Khá	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
5	2012896	Trần Văn Lên Đa	11/10/2002	XD20CD1	Đắk Lắk	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,17	Khá	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
6	2210810	Phùng Kim Anh Đức	07/08/2004	XD22XDC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,50	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
7	2210486	Nguyễn Thùy Dung	31/07/2004	XD22COS	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2,80	Khá	7580210	DH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
8	2113058	Hoàng Anh Dũng	11/11/2003	XD21TD	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	2,20	Trung bình	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
9	2210577	Lê Võ Tấn Dũng	07/12/2004	XD22XDC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
10	2210610	Lê Dương	29/10/2004	XD22XDC1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
11	2210624	Tô Thị ánh Dương	09/09/2004	XD22COS	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,80	Khá	7580210	DH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
12	2113004	Huỳnh Lê Duy	06/10/2003	XD21DD3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,40	Trung bình	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
13	2113026	Nguyễn ThanhPhượng Duy	22/07/2003	XD21DD2	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2,70	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
14	2012830	Nguyễn Trần Anh Duy	07/09/2002	XD20DD1	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,51	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
15	2210993	Lý Thế Hiếu	15/01/2004	XD22XDC1	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2,80	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
16	1911167	Trương Minh Hiếu	26/06/2001	BT19XGT	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	7.12	Khá	7580205	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
17	1913427	Lê Minh Hoàng	01/11/2001	BT19XGT	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.81	TB Khá	7580205	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
18	2211119	Trần Minh Hoàng	15/03/2004	XD22COS	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3,20	Giỏi	7580210	DH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
19	2211126	Vũ Khánh Hoàng	01/12/2004	XD22KXN	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,60	Xuất Sắc	7580201	TN	Kỹ thuật Xây dựng	
20	2113613	Phan Lê Hưng	02/04/2003	XD21DD2	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	2,10	Trung bình	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
21	2113494	Mai Thanh Huy	21/05/2003	XD21DD3	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2,60	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
22	2111326	Nguyễn Minh Huy	15/01/2003	XD21DD2	Bình Thuận	Tỉnh Đồng Nai	2,70	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
23	2211231	Nguyễn Phùng Huy	31/10/2004	XD22XDC1	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
24	2211296	Võ Dương Minh Huy	11/10/2004	XD22XDC1	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2,90	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
25	2211415	Nguyễn Duy Kha	06/04/2004	XD22XDC1	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	3,40	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
26	2211423	Đinh Phúc Khang	02/08/2004	XD22XDC1	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Tháp	2,90	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
27	2113977	Lê Thành Lợi	12/11/2003	XD21CD1	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	2,90	Khá	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
28	2111727	Bùi Quốc Minh	13/04/2003	XD21CB1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2,10	Trung bình	7580203	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
29	2013763	Lê Trát Minh	24/02/2001	XD20CTN	An Giang	Thành Phố Cần Thơ	6,75	TB Khá	7580210	DH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm TB tốt nghề	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
30	1612027	Nguyễn Đức Minh	13/01/1997	BT16C_D2	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	6.77	TB Khá	7580205	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
31	2114059	Nguyễn Lê Thanh Minh	07/11/2003	XD21CD1	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2,40	Trung bình	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
32	2013778	Nguyễn Trí Minh	31/07/2002	XD20TD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,06	Khá	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
33	2212119	Bùi Nhật Nam	22/09/2004	XD22TDI	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
34	2114109	Đình Bảo Nam	30/08/2003	XD21DD3	Bình Định	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,60	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
35	2111792	Đình Duy Nam	01/11/2003	XD22XGT	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bình Dương	2,30	Trung bình	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
36	2212123	Đỗ Nhật Nam	12/09/2004	XD22XDC2	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	3,20	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
37	1911701	Nguyễn Tấn Ngọc	11/04/2001	BT19XGT	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	6.79	TB Khá	7580205	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
38	2212385	Trương Hữu Nhân	11/02/2004	XD22KXB	An Giang	Tỉnh An Giang	2,60	Khá	7580203	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
39	1911768	Đặng Hoàng Nhật	05/06/2001	BT19KTX	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.56	TB Khá	7580201	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng	
40	2013997	Nguyễn Minh Nhật	13/06/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,92	TB Khá	7580101	DH	Kiến trúc	
41	2212467	Lưu Thị Trúc Như	20/01/2004	XD22XDC2	Long An	Tỉnh Long An	2,80	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
42	2114370	Huỳnh Trường Phát	01/01/2003	XD21VL	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	2,70	Khá	7510105	DH	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
43	2212679	Đỗ Đức Phương	14/12/2004	XD22XDC2	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3,30	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
44	2114498	Đỗ Minh Quang	30/07/2003	XD21DD2	Bình Định	Tỉnh Bình Định	3,00	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
45	2114518	Trang Trường Quang	17/09/2003	XD21TD	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,50	Khá	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
46	2114619	Nguyễn Thúy Quỳnh	21/07/2003	XD21DD3	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	2,50	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
47	2212966	Đình Xuân Tài	02/11/2004	XD22XGT	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,60	Xuất Sắc	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
48	2213003	Triệu Tấn Tài	15/09/2004	XD22XGT	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	3,60	Xuất Sắc	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
49	1915054	Nguyễn Duy Tân	13/02/2001	BT19KTX	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	7.47	Khá	7580201	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng	
50	2112255	Nguyễn Thanh Tân	13/06/2003	XD21DD2	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	3,50	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
51	2012034	Nguyễn Phi Thái	16/10/2002	XD20TD	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	6,99	TB Khá	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
52	1915138	Lê Phước Thành	03/01/2001	BT19CVX	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	6.71	TB Khá	7510105	VLVH	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
53	2112301	Nguyễn Quốc Thành	16/04/2003	XD21VL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,30	Trung bình	7510105	DH	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
54	2114878	Trần Ngọc Thiện	18/02/2003	XD21CD1	Bình Định	Tỉnh Bình Định	2,70	Khá	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
55	2213358	Nguyễn Minh Thuận	17/01/2004	XD22XDC2	Bình Thuận	Thành Phố Hồ Chí Minh	2,70	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
56	2213418	Đình Hiền Thương	18/02/2004	XD22XDC2	Cà Mau	Tỉnh Bình Dương	3,30	Giỏi	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
57	1915432	Lê Hoàng Anh Thương	04/09/2001	BT19XGT	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	7.20	Khá	7580205	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
58	2014733	Trần Ngọc Tiến	22/09/2002	XD20CD1	Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	7,30	Khá	7580205	DH	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
59	2014797	Nguyễn Lê Đoàn Trang	10/10/2002	XD20DD3	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,36	Khá	7580201	DH	Kỹ thuật Xây dựng	
60	1915691	Nguyễn Nam Trung	17/06/2001	BT19KTR	Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	6.45	TB Khá	7580101	VLVH	Kiến trúc	
61	2115171	Lê Hoàng Tuấn	23/08/2003	XD21TD	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2,70	Khá	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
62	2015021	Hà Chí Văn	08/03/2002	XD20VL	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,50	TB Khá	7510105	DH	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
63	2015105	Huỳnh Quốc Vương	19/01/2002	XD20TD	Bến Tre	Thành Phố Hồ Chí Minh	7,00	Khá	7520503	DH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
64	1916016	Huỳnh Anh Nhật Vy	03/03/2001	BT19KTX	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	6.77	TB Khá	7580201	VLVH	Kỹ thuật Xây dựng	